

Số: 561/2021/CV-CII

TP Hồ Chí Minh, ngày 26 tháng 11 năm 2021

CÔNG BỐ THÔNG TIN TRÊN CÔNG THÔNG TIN ĐIỆN TỬ

Kính gửi: - Ủy ban Chứng khoán Nhà Nước
- Sở giao dịch Chứng khoán TP Hồ Chí Minh

Công ty: Công ty Cổ phần Đầu tư Hạ tầng Kỹ thuật Thành phố Hồ Chí Minh

Mã chứng khoán: CII

Địa chỉ trụ sở chính: Tầng 12, 152 Điện Biên Phủ, Phường 25, Quận Bình Thạnh, Thành phố Hồ Chí Minh, Việt Nam

Điện thoại: 028-36221025

Fax: 028-36367100

Người thực hiện công bố thông tin: Lê Quốc Bình – Chức vụ: Tổng Giám đốc

Địa chỉ: Tầng 12, 152 Điện Biên Phủ, Phường 25, Quận Bình Thạnh, Thành phố Hồ Chí Minh, Việt Nam

Điện thoại: 028-36221025

Fax: 028-36367100

Loại thông tin công bố: 24h Bất thường Theo yêu cầu Định kỳ

Nội dung của thông tin công bố:

Công ty Cổ phần Đầu tư Hạ tầng Kỹ thuật Thành phố Hồ Chí Minh (“Công Ty/CII”) trân trọng thông báo đến quý cổ đông:

Công ty CII vừa nhận được Giấy Chứng Nhận Đăng Ký Doanh Nghiệp thay đổi lần thứ 28 ngày 25/11/2021 (đính kèm) về việc thay đổi địa chỉ trụ sở chính, cụ thể như sau:

Địa chỉ trụ sở chính: Tầng 12, 152 Điện Biên Phủ, Phường 25, Quận Bình Thạnh, Thành phố Hồ Chí Minh, Việt Nam

Theo đó, Công ty đính kèm Điều Lệ Công Ty Cổ Phần Đầu Tư Hạ Tầng Kỹ Thuật Thành Phố Hồ Chí Minh sửa đổi lần thứ hai ngày 25/11/2021 về việc cập nhật địa chỉ trên.

Thông tin này đã được công bố trên trang thông tin điện tử của Công ty Cổ phần Đầu tư Hạ tầng Kỹ thuật Thành phố Hồ Chí Minh vào ngày 26/11/2021 tại đường dẫn: <http://cii.com.vn>.

Chúng tôi xin cam kết các thông tin công bố trên đây là đúng sự thật và hoàn toàn chịu trách nhiệm trước pháp luật về nội dung thông tin công bố.

NGƯỜI THỰC HIỆN CÔNG BỐ THÔNG TIN



LÊ QUỐC BÌNH

SỞ KẾ HOẠCH VÀ ĐẦU TƯ
THÀNH PHỐ HỒ CHÍ MINH
PHÒNG ĐĂNG KÝ KINH DOANH

CỘNG HÒA XÃ HỘI CHỦ NGHĨA VIỆT NAM
Độc lập – Tự do – Hạnh phúc

**GIẤY CHỨNG NHẬN ĐĂNG KÝ DOANH NGHIỆP
CÔNG TY CỔ PHẦN**

Mã số doanh nghiệp: 0302483177

Đăng ký lần đầu: ngày 24 tháng 12 năm 2001

Đăng ký thay đổi lần thứ: 28, ngày 25 tháng 11 năm 2021

1. Tên công ty

Tên công ty viết bằng tiếng Việt: CÔNG TY CỔ PHẦN ĐẦU TƯ HẠ TẦNG KỸ THUẬT THÀNH PHỐ HỒ CHÍ MINH

Tên công ty viết bằng tiếng nước ngoài: HO CHI MINH CITY INFRASTRUCTURE INVESTMENT JOINT STOCK COMPANY

Tên công ty viết tắt: C.I.I

2. Địa chỉ trụ sở chính

Tầng 12, 152 Điện Biên Phủ, Phường 25, Quận Bình Thạnh, Thành phố Hồ Chí Minh, Việt Nam

Điện thoại: 028 3622 1025

Fax: 028 3636 7100

Email: Info@cii.com.vn

Website: cii.com.vn

3. Vốn điều lệ

Vốn điều lệ: 2.832.095.780.000 đồng.

Bằng chữ: Hai nghìn tám trăm ba mươi hai tỷ không trăm chín mươi lăm triệu bảy trăm tám mươi nghìn đồng

Mệnh giá cổ phần: 10.000 đồng

Tổng số cổ phần: 283.209.578

4. Người đại diện theo pháp luật của công ty

* Họ và tên: LÊ QUỐC BÌNH

Giới tính: Nam

Chức danh: Tổng giám đốc

Sinh ngày: 25/02/1972

Dân tộc: Kinh

Quốc tịch: Việt Nam

Loại giấy tờ pháp lý của cá nhân: Chứng minh nhân dân

Số giấy tờ pháp lý của cá nhân: 023833426

Ngày cấp: 23/08/2006

Nơi cấp: Công an Thành phố Hồ Chí Minh

Địa chỉ thường trú: 45 Trần Phú, Phường 04, Quận 5, Thành phố Hồ Chí Minh, Việt Nam

Địa chỉ liên lạc: 45 Trần Phú, Phường 04, Quận 5, Thành phố Hồ Chí Minh, Việt Nam



TRƯỞNG PHÒNG

Phó Trưởng Phòng

Cù Thành Đức



**CÔNG TY CỔ PHẦN ĐẦU TƯ HẠ TẦNG KỸ THUẬT
THÀNH PHỐ HỒ CHÍ MINH**

**ĐIỀU LỆ
TỔ CHỨC VÀ HOẠT ĐỘNG**

TP. Hồ Chí Minh, ngày 14 tháng 5 năm 2021



MỤC LỤC

I.	ĐỊNH NGHĨA CÁC THUẬT NGỮ TRONG ĐIỀU LỆ.....	1
	Điều 1. Định nghĩa	1
II.	TÊN, HÌNH THỨC, TRỤ SỞ, CHI NHÁNH, VĂN PHÒNG ĐẠI DIỆN, THỜI HẠN HOẠT ĐỘNG VÀ NGƯỜI ĐẠI DIỆN THEO PHÁP LUẬT CỦA CÔNG TY.....	2
	Điều 2. Tên, hình thức, trụ sở, chi nhánh, văn phòng đại diện, Thời Hạn Hoạt Động và người đại diện theo pháp luật của Công Ty.....	2
III.	MỤC TIÊU, PHẠM VI KINH DOANH VÀ HOẠT ĐỘNG CỦA CÔNG TY.....	3
	Điều 3. Mục tiêu hoạt động của Công Ty	3
	Điều 4. Phạm vi kinh doanh và hoạt động	4
IV.	VỐN ĐIỀU LỆ, CỔ PHẦN, CỔ ĐÔNG SÁNG LẬP	4
	Điều 5. Vốn Điều Lệ, cổ phần, Cổ Đông sáng lập	4
	Điều 6. Chứng nhận cổ phiếu.....	5
	Điều 7. Chứng chỉ chứng khoán khác	6
	Điều 8. Chuyển nhượng cổ phần.....	6
	Điều 9. Thu hồi cổ phần.....	6
V.	CƠ CẤU TỔ CHỨC, QUẢN LÝ VÀ KIỂM SOÁT	7
	Điều 10. Cơ cấu tổ chức quản lý.....	7
VI.	CỔ ĐÔNG VÀ ĐẠI HỘI ĐỒNG CỔ ĐÔNG	7
	Điều 11. Quyền của Cổ Đông	7
	Điều 12. Nghĩa vụ của Cổ Đông	8
	Điều 13. Đại Hội Đồng Cổ Đông.....	9
	Điều 14. Quyền và nhiệm vụ của Đại Hội Đồng Cổ Đông.....	11
	Điều 15. Đại Diện Theo Ủy Quyền, Người Được Ủy Quyền Dự Họp	13
	Điều 16. Thay đổi các quyền.....	15
	Điều 17. Triệu tập họp Đại Hội Đồng Cổ Đông, chương trình họp, và thông báo mời họp Đại Hội Đồng Cổ Đông.....	15
	Điều 18. Các điều kiện tiến hành họp Đại Hội Đồng Cổ Đông	17
	Điều 19. Thể thức tiến hành họp và biểu quyết tại cuộc họp Đại Hội Đồng Cổ Đông..	17
	Điều 20. Thông qua nghị quyết của Đại Hội Đồng Cổ Đông	20
	Điều 21. Thẩm quyền và thể thức lấy ý kiến Cổ Đông bằng văn bản để thông qua nghị quyết của Đại Hội Đồng Cổ Đông	21
	Điều 22. Biên bản họp Đại Hội Đồng Cổ Đông.....	23
	Điều 23. Yêu cầu hủy bỏ nghị quyết của Đại Hội Đồng Cổ Đông	23
VII.	HỘI ĐỒNG QUẢN TRỊ	23
	Điều 24. Thành phần và nhiệm kỳ của thành viên Hội Đồng Quản Trị.....	23
	Điều 25. Quyền hạn và nhiệm vụ của Hội Đồng Quản Trị.....	25
	Điều 26. Chủ tịch, Phó Chủ tịch Hội Đồng Quản Trị	27
	Điều 27. Thành viên Hội Đồng Quản Trị thay thế.....	28
	Điều 28. Các cuộc họp của Hội Đồng Quản Trị	29
VIII.	TỔNG GIÁM ĐỐC ĐIỀU HÀNH, NGƯỜI QUẢN LÝ KHÁC, NGƯỜI PHỤ TRÁCH QUẢN TRỊ CÔNG TY	32
	Điều 29. Tổ chức bộ máy quản lý	32
	Điều 30. Người Quản Lý.....	32
	Điều 31. Bổ nhiệm, miễn nhiệm, nhiệm vụ và quyền hạn của Tổng Giám Đốc.....	33
	Điều 32. Người phụ trách quản trị Công Ty	34

IX.	NHIỆM VỤ ĐƯỢC ỦY THÁC CỦA THÀNH VIÊN HỘI ĐỒNG QUẢN TRỊ, TỔNG GIÁM ĐỐC VÀ NGƯỜI QUẢN LÝ	35
	Điều 33. Trách nhiệm cần trọng của Thành viên Hội Đồng Quản Trị, Tổng Giám Đốc và Người Quản Lý	35
	Điều 34. Trách nhiệm trung thực và tránh các xung đột về quyền lợi	35
	Điều 35. Trách nhiệm về thiệt hại và bồi thường.....	36
X.	BAN KIỂM SOÁT	37
	Điều 36. Thành viên Ban Kiểm Soát.....	37
	Điều 37. Ban Kiểm Soát.....	38
XI.	QUYỀN TRA CỨU SỔ SÁCH VÀ HỒ SƠ CÔNG TY.....	39
	Điều 38. Quyền tra cứu sổ sách và hồ sơ	39
XII.	CÔNG NHÂN VIÊN VÀ CÔNG ĐOÀN.....	40
	Điều 39. Công nhân viên và công đoàn	40
XIII.	PHÂN CHIA LỢI NHUẬN	40
	Điều 40. Cổ tức	40
	Điều 41. Các vấn đề khác liên quan đến phân phối lợi nhuận	41
XIV.	TÀI KHOẢN NGÂN HÀNG, QUỸ DỰ TRỮ, NĂM TÀI CHÍNH VÀ HỆ THỐNG KẾ TOÁN.....	41
	Điều 42. Tài khoản ngân hàng	41
	Điều 43. Quỹ dự trữ bổ sung Vốn Điều Lệ.....	41
	Điều 44. Năm tài chính	41
	Điều 45. Hệ thống kế toán.....	41
XV.	BÁO CÁO THƯỜNG NIÊN, TRÁCH NHIỆM CÔNG BỐ THÔNG TIN, THÔNG BÁO RA CÔNG CHÚNG.....	42
	Điều 46. Báo cáo hằng năm, sáu tháng và hằng quý.....	42
	Điều 47. Công bố thông tin và thông báo ra công chúng.....	42
XVI.	KIỂM TOÁN CÔNG TY.....	42
	Điều 48. Kiểm toán	42
XVII.	CON DẤU	43
	Điều 49. Con dấu.....	43
XVIII.	CHẤM DỨT HOẠT ĐỘNG VÀ THANH LÝ.....	43
	Điều 50. Chấm dứt hoạt động	43
	Điều 51. Trường hợp bế tắc giữa các thành viên Hội Đồng Quản Trị và Cổ Đông.....	44
	Điều 52. Gia hạn hoạt động.....	44
	Điều 53. Thanh lý.....	44
XIX.	GIẢI QUYẾT TRANH CHẤP NỘI BỘ	45
	Điều 54. Giải quyết tranh chấp nội bộ	45
XX.	BỔ SUNG VÀ SỬA ĐỔI ĐIỀU LỆ	45
	Điều 55. Bổ sung và sửa đổi Điều Lệ.....	45
XXI.	NGÀY HIỆU LỰC	45
	Điều 56. Ngày hiệu lực.....	45

PHẦN MỞ ĐẦU

Điều lệ này ("**Điều Lệ**") của Công Ty Cổ Phần Đầu Tư Hạ Tầng Kỹ Thuật Thành Phố Hồ Chí Minh (dưới đây gọi là "**Công Ty**") đã được Đại Hội Đồng Cổ Đông của Công Ty thông qua vào ngày 23 tháng 04 năm 2021 và thay thế bản điều lệ và các phụ lục sửa đổi điều lệ trước đây của Công Ty.

I. ĐỊNH NGHĨA CÁC THUẬT NGỮ TRONG ĐIỀU LỆ

Điều 1. Định nghĩa

1.1 Trong Điều Lệ này, những thuật ngữ dưới đây sẽ được hiểu như sau:

- (a) "**Ban Kiểm Soát**" là ban kiểm soát của Công Ty.
- (b) "**Cổ Đông**" là bất kỳ cá nhân hay tổ chức nào được ghi tên trong sổ đăng ký Cổ Đông của Công Ty với tư cách là người sở hữu cổ phần của Công Ty.
- (c) "**Đại Diện Theo Ủy Quyền**" là người được Cổ Đông là tổ chức ủy quyền để thực hiện các quyền cổ đông của mình theo quy định của pháp luật.
- (d) "**Đại Hội Đồng Cổ Đông**" là đại hội đồng cổ đông của Công Ty.
- (e) "**Hội Đồng Quản Trị**" là hội đồng quản trị của Công Ty.
- (f) "**Luật Chứng Khoán**" là Luật Chứng Khoán số 54/2019/QH14 được Quốc hội thông qua ngày 26 tháng 11 năm 2019 (như được sửa đổi, bổ sung tại từng thời điểm).
- (g) "**Luật Doanh Nghiệp**" là Luật Doanh Nghiệp số 59/2020/QH14 được Quốc hội thông qua ngày 17 tháng 6 năm 2020 (như được sửa đổi, bổ sung tại từng thời điểm).
- (h) "**Ngày Thành Lập**" là ngày Công Ty được cấp Giấy chứng nhận đăng ký kinh doanh lần đầu.
- (i) "**Người Có Liên Quan**" là cá nhân hoặc tổ chức được quy định tại Điều 4.23 của Luật Doanh Nghiệp và Điều 4.46 của Luật Chứng Khoán.
- (j) "**Người Được Ủy Quyền Dự Họp**" là cá nhân hoặc tổ chức được Cổ Đông (tổ chức hoặc cá nhân), hoặc Đại Diện Theo Ủy Quyền của Cổ Đông là tổ chức, ủy quyền để tham dự và biểu quyết tại cuộc họp Đại Hội Đồng Cổ Đông theo các hình thức được quy định tại Điều Lệ này và Luật Doanh Nghiệp.
- (k) "**Người Quản Lý**" là người quản lý của Công Ty, bao gồm: Chủ tịch Hội Đồng Quản Trị, thành viên Hội Đồng Quản Trị, Tổng Giám Đốc, Phó Tổng Giám Đốc, các giám đốc của các bộ phận, Kế Toán Trưởng, và các vị trí quản lý khác trong Công Ty được Hội Đồng Quản Trị bổ nhiệm.
- (l) "**Sở Giao Dịch Chứng Khoán**" là Sở giao dịch chứng khoán Việt Nam và các công ty con.

- (m) **“Thành viên độc lập Hội Đồng Quản Trị”** là thành viên Hội Đồng Quản Trị đáp ứng các điều kiện về thành viên độc lập do pháp luật quy định.
 - (n) **“Thời Hạn Hoạt Động”** là thời hạn hoạt động của Công Ty được quy định tại Điều 2 của Điều Lệ này.
 - (o) **“Việt Nam”** là nước Cộng Hoà Xã Hội Chủ Nghĩa Việt Nam.
 - (p) **“Vốn Điều Lệ”** là vốn do tất cả các Cổ Đông đóng góp và quy định tại Điều 5 của Điều Lệ này.
- 1.2 Trong Điều Lệ này, các tham chiếu tới một quy định hoặc văn bản sẽ bao gồm cả những sửa đổi, bổ sung hoặc thay thế của quy định hoặc văn bản đó.
- 1.3 Các tiêu đề (chương, điều của Điều Lệ này) được sử dụng nhằm thuận tiện cho việc hiểu nội dung và không ảnh hưởng tới nội dung của Điều Lệ này.
- 1.4 Các từ hoặc thuật ngữ đã được định nghĩa trong Luật Doanh Nghiệp (nếu không mâu thuẫn với chủ thể hoặc ngữ cảnh) sẽ có nghĩa tương tự trong Điều Lệ này.

II. TÊN, HÌNH THỨC, TRỤ SỞ, CHI NHÁNH, VĂN PHÒNG ĐẠI DIỆN, THỜI HẠN HOẠT ĐỘNG VÀ NGƯỜI ĐẠI DIỆN THEO PHÁP LUẬT CỦA CÔNG TY

Điều 2. Tên, hình thức, trụ sở, chi nhánh, văn phòng đại diện, Thời Hạn Hoạt Động và người đại diện theo pháp luật của Công Ty

2.1 Tên Công Ty:

- Tên tiếng Việt: **CÔNG TY CỔ PHẦN ĐẦU TƯ HẠ TẦNG KỸ THUẬT THÀNH PHỐ HỒ CHÍ MINH**
- Tên tiếng Anh: **HO CHI MINH CITY INFRASTRUCTURE INVESTMENT JOINT STOCK COMPANY**
- Tên viết tắt: **CII**

2.2 Công Ty là một công ty cổ phần có tư cách pháp nhân phù hợp với pháp luật Việt Nam.

2.3 Trụ sở đăng ký của Công Ty tại:

- Địa chỉ: 3A Nguyễn Văn Thù, Phường Đa Kao, Quận 1, Thành Phố Hồ Chí Minh, Việt Nam
- Điện thoại: (84.28) 3622 1025
- Fax: (84.28) 3636 7100
- E-mail: info@cii.com.vn
- Website: www.cii.com.vn

- 2.4 Công Ty có 01 (một) người đại diện theo pháp luật là người giữ chức vụ Tổng Giám Đốc. Người đại diện theo pháp luật có thể ủy quyền cho (các) cá nhân khác thực hiện nhiệm vụ và quyền hạn của mình phù hợp với quy định của pháp luật.
- 2.5 Công Ty có thể thành lập chi nhánh và văn phòng đại diện tại địa bàn kinh doanh để thực hiện các mục tiêu hoạt động của Công Ty phù hợp với nghị quyết của Hội Đồng Quản Trị và trong phạm vi luật pháp cho phép.
- 2.6 Trừ khi chấm dứt hoạt động trước thời hạn theo Điều 50.2 và Điều 51 của Điều Lệ này hoặc gia hạn hoạt động theo Điều 52 của Điều Lệ này, Thời Hạn Hoạt Động của Công Ty sẽ bắt đầu từ Ngày Thành Lập và là vô thời hạn.

III. MỤC TIÊU, PHẠM VI KINH DOANH VÀ HOẠT ĐỘNG CỦA CÔNG TY

Điều 3. Mục tiêu hoạt động của Công Ty

- 3.1 Ngành nghề kinh doanh của Công Ty bao gồm:
 - (a) Sản xuất khác chưa được phân vào đâu
Chi tiết: Sản xuất các thiết bị chuyên dùng trong lĩnh vực thu phí giao thông và xây dựng (không hoạt động tại trụ sở). (Mã ngành: 3290)
 - (b) Thu gom rác thải độc hại
Chi tiết: Thu gom rác thải (không hoạt động tại trụ sở). (Mã ngành: 3812)
 - (c) Xây dựng công trình kỹ thuật dân dụng khác
Chi tiết: Đầu tư xây dựng các công trình theo hình thức hợp đồng: xây dựng - kinh doanh - chuyển giao công trình B.O.T, xây dựng - chuyển giao công trình BT, xây dựng hạ tầng khu công nghiệp, khu dân cư. (Mã ngành: 4290 (chính))
 - (d) Chuẩn bị mặt bằng
Chi tiết: San lấp mặt bằng. (Mã ngành: 4312)
 - (e) Bán buôn máy móc, thiết bị và phụ tùng máy khác
Chi tiết: Mua bán các thiết bị chuyên dùng trong lĩnh vực thu phí giao thông và xây dựng. (Mã ngành: 4659)
 - (f) Hoạt động dịch vụ hỗ trợ kinh doanh khác còn lại chưa được phân vào đâu
Chi tiết: - Dịch vụ thu phí giao thông (công văn số 4217/UB-TH ngày 21/11/2001 của UBND TP) - Kinh doanh nhà vệ sinh công cộng, nhà vệ sinh lưu động. (Mã ngành: 8299)
 - (g) Hoạt động hỗ trợ dịch vụ tài chính chưa được phân vào đâu
Chi tiết: - Tư vấn đầu tư - Tư vấn tài chính. (Mã ngành: 6619)
 - (h) Dịch vụ chăm sóc và duy trì cảnh quan
Chi tiết: Dịch vụ thiết kế, trồng, chăm sóc vườn hoa, cây cảnh, hòn non bộ. (Mã ngành: 8130)

- (i) Kinh doanh bất động sản, quyền sử dụng đất thuộc chủ sở hữu, chủ sử dụng hoặc đi thuê (Mã ngành: 6810)
- (j) Tư vấn, môi giới, đấu giá bất động sản, đấu giá quyền sử dụng đất (trừ tư vấn mang tính pháp lý) (Mã ngành: 6820)

Ngoài các lĩnh vực kinh doanh nêu trên, Công Ty có thể tiến hành các hoạt động kinh doanh khác mà pháp luật không cấm.

- 3.2 Mục tiêu hoạt động của Công Ty là nhằm thu hút rộng rãi vốn của các thành phần kinh tế để đầu tư phát triển hạ tầng kỹ thuật đô thị và bất động sản, tạo công ăn việc làm và thu nhập ổn định cho người lao động, mang lại cổ tức cao cho các Cổ Đông, thực hiện đầy đủ nghĩa vụ ngân sách với nhà nước và phát triển Công Ty ngày càng lớn mạnh.

Điều 4. Phạm vi kinh doanh và hoạt động

- 4.1 Công Ty được phép lập kế hoạch và tiến hành tất cả các hoạt động kinh doanh theo quy định của Giấy chứng nhận đăng ký kinh doanh và Điều Lệ này phù hợp với quy định của pháp luật hiện hành và thực hiện các biện pháp thích hợp để đạt được các mục tiêu của Công Ty.
- 4.2 Công Ty có thể tiến hành hoạt động kinh doanh trong các lĩnh vực khác được pháp luật cho phép và được Đại Hội Đồng Cổ Đông thông qua.

IV. VỐN ĐIỀU LỆ, CỔ PHẦN, CỔ ĐÔNG SÁNG LẬP

Điều 5. Vốn Điều Lệ, cổ phần, Cổ Đông sáng lập

- 5.1 Vốn Điều Lệ của Công Ty là 2.831.681.520.000 VNĐ (hai ngàn tám trăm ba mươi một tỷ sáu trăm tám mươi một triệu năm trăm hai mươi ngàn đồng).

Tổng số Vốn Điều Lệ của Công Ty được chia thành 283.168.152 cổ phần với mệnh giá là 10.000 VNĐ/cổ phần.

Cổ Đông nước ngoài ở Công Ty được sở hữu tối đa số cổ phần tương ứng với 49% Vốn Điều Lệ.

- 5.2 Công Ty có thể thay đổi Vốn Điều Lệ theo quyết định của Đại Hội Đồng Cổ Đông và phù hợp với các quy định của pháp luật.
- 5.3 Các cổ phần của Công Ty vào ngày thông qua Điều Lệ này bao gồm cổ phần phổ thông. Các quyền và nghĩa vụ kèm theo cổ phần được quy định tại Điều 11 và Điều 12 của Điều Lệ này.
- 5.4 Công Ty có thể phát hành các loại cổ phần ưu đãi khác sau khi có sự chấp thuận của Đại Hội Đồng Cổ Đông và phù hợp với các quy định của pháp luật.
- 5.5 Cổ phần phổ thông phải được ưu tiên chào bán cho các Cổ Đông hiện hữu theo tỷ lệ tương ứng với tỷ lệ sở hữu cổ phần phổ thông của họ trong Công Ty, trừ trường hợp Đại Hội Đồng Cổ Đông quyết định khác.

- 5.6 Việc phát hành thêm cổ phần phổ thông và chào bán số cổ phần đó cho tất cả các Cổ Đông hiện hữu theo tỷ lệ sở hữu cổ phần của mỗi Cổ Đông sẽ được thực hiện theo các quy định của Luật Chứng Khoán và các quy định của pháp luật có liên quan.

Số cổ phần Cổ Đông không đăng ký mua hết sẽ do Hội Đồng Quản Trị quyết định. Hội Đồng Quản Trị có thể phân phối số cổ phần đó cho các đối tượng theo các điều kiện và cách thức mà Hội Đồng Quản Trị thấy là phù hợp, nhưng không được bán số cổ phần đó theo các điều kiện thuận lợi hơn so với những điều kiện đã chào bán cho các Cổ Đông hiện hữu trừ trường hợp cổ phần được bán qua Sở Giao Dịch Chứng Khoán theo phương thức đấu giá.

- 5.7 Hội Đồng Quản Trị quyết định giá chào bán cổ phần trong số cổ phần được quyền chào bán. Giá chào bán cổ phần không được thấp hơn giá thị trường tại thời điểm chào bán hoặc giá trị được ghi trong sổ sách kế toán của Công Ty tại thời điểm gần nhất, trừ những trường hợp sau đây:

- (a) Cổ phần chào bán lần đầu tiên cho những người không phải là Cổ Đông sáng lập;
- (b) Cổ phần chào bán cho tất cả Cổ Đông theo tỷ lệ sở hữu cổ phần của mỗi Cổ Đông trong Công Ty;
- (c) Cổ phần chào bán cho người môi giới hoặc người bảo lãnh. Trong trường hợp này, số chiết khấu hoặc tỷ lệ chiết khấu cụ thể phải được sự chấp thuận của Đại Hội Đồng Cổ Đông;
- (d) Cổ phần chào bán để (i) thực hiện chuyển đổi khoản vay chuyển đổi, trái phiếu chuyển đổi hay các chứng khoán do Công Ty phát hành có chức năng chuyển đổi thành cổ phần của Công Ty, (ii) thực hiện các quyền chọn mua, quyền chọn bán hay chứng quyền mà Công Ty đã cam kết, hoặc (iii) thực hiện các cam kết khác của Công Ty; và
- (e) Các trường hợp khác do Đại Hội Đồng Cổ Đông quyết định hoặc pháp luật quy định hoặc được cơ quan nhà nước có thẩm quyền cho phép.

- 5.8 Công Ty có thể phát hành trái phiếu có bảo đảm và không có bảo đảm. Khi được Đại Hội Đồng Cổ Đông phê chuẩn, Công Ty có thể phát hành trái phiếu chuyển đổi và trái phiếu kèm chứng quyền. Khi được Hội Đồng Quản Trị phê chuẩn, Công Ty có thể phát hành các loại trái phiếu khác.

- 5.9 Công Ty có thể mua lại cổ phần do chính Công Ty đã phát hành (kể cả cổ phần ưu đãi hoàn lại) theo những cách thức được quy định trong Điều Lệ này và pháp luật hiện hành. Cổ phần phổ thông do Công Ty mua lại là cổ phiếu quỹ và Hội Đồng Quản Trị có thể xử lý theo những cách thức phù hợp với quy định của Điều Lệ này và Luật Chứng Khoán và văn bản pháp luật liên quan.

- 5.10 Công Ty cũng có thể phát hành các loại chứng khoán khác theo quyết định của Đại Hội Đồng Cổ Đông.

Điều 6. Chứng nhận cổ phiếu

- 6.1 Cổ Đông được cấp chứng nhận cổ phiếu tương ứng với số cổ phần và loại cổ phần sở hữu.

- 6.2 Cổ phiếu là chứng chỉ do Công Ty phát hành, bút toán ghi sổ hoặc dữ liệu điện tử xác nhận quyền sở hữu một hoặc một số cổ phần của Công Ty. Cổ phiếu phải có đầy đủ các nội dung theo quy định tại Điều 121.1 của Luật Doanh Nghiệp.
- 6.3 Trong thời hạn 30 (ba mươi) ngày kể từ ngày nộp đầy đủ hồ sơ đề nghị chuyển quyền sở hữu cổ phần theo quy định của Công Ty hoặc trong thời hạn 60 (sáu mươi) ngày kể từ ngày thanh toán đầy đủ tiền mua cổ phần theo như quy định tại phương án phát hành cổ phiếu của Công Ty (hoặc thời hạn khác theo điều khoản phát hành quy định), người sở hữu số cổ phần được cấp chứng nhận cổ phiếu. Người sở hữu cổ phần không phải trả cho Công Ty chi phí in chứng nhận cổ phiếu.
- 6.4 Trường hợp chứng nhận cổ phiếu bị mất, bị hủy hoại hoặc bị hư hỏng, người sở hữu cổ phiếu đó có thể đề nghị được cấp chứng nhận cổ phiếu mới với điều kiện phải đưa ra bằng chứng về việc sở hữu cổ phần và thanh toán mọi chi phí liên quan cho Công Ty.

Điều 7. Chứng chỉ chứng khoán khác

Chứng chỉ trái phiếu hoặc các chứng chỉ chứng khoán khác của Công Ty (trừ các thư chào bán, các chứng chỉ tạm thời và các tài liệu tương tự), sẽ được phát hành có dấu của Công Ty và chữ ký mẫu của đại diện theo pháp luật của Công Ty, trừ trường hợp mà các điều khoản và điều kiện phát hành quy định khác.

Điều 8. Chuyển nhượng cổ phần

- 8.1 Tất cả các cổ phần đều có thể được tự do chuyển nhượng trừ khi Điều Lệ này và pháp luật có quy định khác. Cổ phiếu niêm yết hoặc đăng ký giao dịch trên Sở Giao Dịch Chứng Khoán sẽ được chuyển nhượng theo các quy định của pháp luật về chứng khoán và thị trường chứng khoán và các quy định của Sở Giao Dịch Chứng Khoán.
- 8.2 Cổ phần chưa được thanh toán đầy đủ sẽ không được chuyển nhượng và sẽ không được hưởng các quyền lợi liên quan như quyền nhận cổ tức, quyền nhận cổ phần phát hành để tăng vốn cổ phần từ nguồn vốn chủ sở hữu, quyền mua cổ phiếu mới chào bán và các quyền lợi khác theo quy định của pháp luật.

Điều 9. Thu hồi cổ phần

- 9.1 Trường hợp Cổ Đông không thanh toán đầy đủ và đúng hạn số tiền phải trả để mua cổ phần, Hội Đồng Quản Trị sẽ gửi thông báo cho Cổ Đông đó để yêu cầu Cổ Đông đó thanh toán số tiền còn lại cùng với tiền lãi do chậm thanh toán tính trên số tiền còn lại với mức lãi suất cao nhất được phép áp dụng tại thời điểm đó và những nghĩa vụ tài chính của Công Ty phát sinh do việc không thanh toán đầy đủ. Tiền lãi sẽ được tính từ ngày gửi thông báo cho đến ngày toàn bộ số tiền theo thông báo được thanh toán trên thực tế.
- 9.2 Thông báo thanh toán nêu trên phải ghi rõ thời hạn thanh toán mới (tối thiểu là 7 (bảy) ngày kể từ ngày gửi thông báo), địa điểm và phương thức thanh toán. Thông báo cũng phải ghi rõ trường hợp không thanh toán theo đúng yêu cầu, số cổ phần chưa thanh toán hết sẽ bị thu hồi và các quyền cổ đông liên quan sẽ không phát sinh cho đến khi cổ phần được thanh toán đầy đủ.

- 9.3 Trường hợp các yêu cầu trong thông báo nêu trên không được thực hiện đầy đủ và đúng hạn, Hội Đồng Quản Trị có quyền thu hồi số cổ phần có liên quan đó.
- 9.4 Cổ phần bị thu hồi được coi là các cổ phần được quyền chào bán. Hội Đồng Quản Trị có thể trực tiếp hoặc ủy quyền bán, tái phân phối hoặc giải quyết cho người đã sở hữu cổ phần bị thu hồi hoặc các đối tượng khác theo những điều kiện và cách thức mà Hội Đồng Quản Trị thấy là phù hợp.
- 9.5 Cổ Đông nắm giữ cổ phần bị thu hồi sẽ phải từ bỏ tư cách cổ đông đối với những cổ phần đó, nhưng vẫn phải chịu trách nhiệm tương ứng với tổng mệnh giá cổ phần đã đăng ký mua đối với nghĩa vụ tài chính của Công Ty phát sinh vào thời điểm thu hồi theo quyết định của Hội Đồng Quản Trị kể từ ngày thu hồi cho đến ngày thực hiện thanh toán. Hội Đồng Quản Trị có toàn quyền quyết định việc cưỡng chế thanh toán toàn bộ giá trị cổ phiếu vào thời điểm thu hồi hoặc có thể miễn giảm thanh toán một phần hoặc toàn bộ số tiền đó.
- Việc thu hồi cổ phần bao gồm cả các khoản cổ tức và lợi ích khác liên quan đến cổ phần đã được công bố nhưng chưa được chi trả hoặc phân bổ trên thực tế trước thời điểm thu hồi.
- 9.6 Thông báo thu hồi sẽ được gửi đến người nắm giữ cổ phần bị thu hồi trước thời điểm thu hồi. Việc thu hồi vẫn có hiệu lực kể cả trong trường hợp có sai sót hoặc bất cập trong việc gửi thông báo.

V. CƠ CẤU TỔ CHỨC, QUẢN LÝ VÀ KIỂM SOÁT

Điều 10. Cơ cấu tổ chức quản lý

Cơ cấu tổ chức quản lý của Công Ty bao gồm:

- (a) Đại Hội Đồng Cổ Đông;
- (b) Hội Đồng Quản Trị;
- (c) Tổng Giám Đốc; và
- (d) Ban Kiểm Soát.

VI. CỔ ĐÔNG VÀ ĐẠI HỘI ĐỒNG CỔ ĐÔNG

Điều 11. Quyền của Cổ Đông

- 11.1 Cổ Đông là người chủ sở hữu Công Ty, có các quyền và nghĩa vụ tương ứng theo số cổ phần và loại cổ phần mà họ sở hữu. Cổ Đông chỉ chịu trách nhiệm về các khoản nợ và các nghĩa vụ tài sản khác của Công Ty trong phạm vi số vốn đã góp vào Công Ty.
- 11.2 Người nắm giữ cổ phần phổ thông có các quyền sau:
- (a) Tham gia và phát biểu trong các cuộc họp của Đại Hội Đồng Cổ Đông và thực hiện quyền biểu quyết trực tiếp hoặc thông qua Người Được Ủy Quyền Dự Họp hoặc dự họp theo hình thức khác quy định tại Điều Lệ này và pháp luật có liên quan;
 - (b) Nhận cổ tức;

- (c) Tự do chuyển nhượng cổ phần đã được thanh toán đầy đủ theo quy định của Điều Lệ này và pháp luật hiện hành;
 - (d) Được ưu tiên mua cổ phần mới chào bán tương ứng với tỷ lệ cổ phần phổ thông mà họ sở hữu;
 - (e) Kiểm tra các thông tin về tên và địa chỉ liên lạc của Cổ Đông trong danh sách cổ đông đủ tư cách tham gia cuộc họp Đại Hội Đồng Cổ Đông và yêu cầu sửa đổi các thông tin không chính xác;
 - (f) Xem xét, tra cứu, trích lục hoặc sao chụp Điều Lệ, biên bản họp Đại Hội Đồng Cổ Đông và các nghị quyết của Đại Hội Đồng Cổ Đông;
 - (g) Trường hợp Công Ty giải thể, được nhận một phần tài sản còn lại tương ứng với số cổ phần góp vốn vào Công Ty sau khi Công Ty đã thanh toán cho chủ nợ và các Cổ Đông nắm giữ cổ phần loại khác theo quy định của pháp luật;
 - (h) Yêu cầu Công Ty mua lại cổ phần của họ trong các trường hợp quy định tại Điều 132.1 của Luật Doanh Nghiệp; và
 - (i) Các quyền khác theo quy định của Điều Lệ này và pháp luật.
- 11.3 Cổ Đông hoặc nhóm Cổ Đông nắm giữ từ 5% (năm phần trăm) tổng số cổ phần phổ thông trở lên có các quyền sau:
- (a) Đề cử các ứng viên Hội Đồng Quản Trị hoặc Ban Kiểm Soát theo quy định tương ứng tại Điều 24.3 hoặc Điều 36.4 của Điều Lệ này;
 - (b) Yêu cầu Hội Đồng Quản Trị thực hiện việc triệu tập họp Đại Hội Đồng Cổ Đông theo các quy định tại Điều 115.3 và Điều 140 của Luật Doanh Nghiệp;
 - (c) Xem xét, tra cứu, trích lục số biên bản và nghị quyết, quyết định của Hội Đồng Quản Trị, báo cáo tài chính giữa năm và hằng năm, báo cáo của Ban Kiểm Soát, hợp đồng, giao dịch phải thông qua Hội Đồng Quản Trị và tài liệu khác, trừ tài liệu liên quan đến bí mật thương mại, bí mật kinh doanh của Công Ty;
 - (d) Yêu cầu Ban Kiểm Soát kiểm tra từng vấn đề cụ thể liên quan đến quản lý, điều hành hoạt động của Công Ty khi xét thấy cần thiết. Yêu cầu phải thể hiện bằng văn bản; phải có họ, tên, địa chỉ thường trú, quốc tịch, số Giấy chứng minh nhân dân/thẻ căn cước, Hộ chiếu hoặc chứng thực cá nhân hợp pháp khác đối với Cổ Đông là cá nhân; tên, địa chỉ thường trú, quốc tịch, số quyết định thành lập hoặc số đăng ký kinh doanh đối với Cổ Đông là tổ chức; số lượng cổ phần và thời điểm đăng ký cổ phần của từng Cổ Đông, tổng số cổ phần của cả nhóm Cổ Đông và tỷ lệ sở hữu trong tổng số cổ phần của Công Ty; vấn đề cần kiểm tra, mục đích kiểm tra; và
 - (e) Các quyền khác được quy định tại Điều Lệ này và pháp luật.

Điều 12. Nghĩa vụ của Cổ Đông

Cổ Đông có nghĩa vụ sau:

- 12.1 Tuân thủ Điều Lệ và các quy chế của Công Ty; chấp hành nghị quyết, quyết định của Đại Hội Đồng Cổ Đông và Hội Đồng Quản Trị;
- 12.2 Tham dự cuộc họp Đại Hội Đồng Cổ Đông và thực hiện quyền biểu quyết thông qua các hình thức sau:
 - (a) Tham dự và biểu quyết trực tiếp tại cuộc họp hoặc tham gia cuộc họp và thực hiện biểu quyết từ xa;
 - (b) Ủy quyền cho cá nhân, tổ chức khác tham dự và biểu quyết tại cuộc họp;
 - (c) Tham dự và biểu quyết thông qua họp trực tuyến, bỏ phiếu điện tử hoặc hình thức điện tử khác; hoặc
 - (d) Gửi phiếu biểu quyết đến cuộc họp thông qua thư, fax, thư điện tử;
- 12.3 Thanh toán đủ và đúng thời hạn số cổ phần cam kết mua;
- 12.4 Cung cấp địa chỉ chính xác khi đăng ký mua cổ phần;
- 12.5 Chịu trách nhiệm cá nhân khi nhân danh Công Ty dưới mọi hình thức để thực hiện một trong các hành vi sau đây:
 - (a) Vi phạm pháp luật;
 - (b) Tiến hành kinh doanh và các giao dịch khác để tư lợi hoặc phục vụ lợi ích của tổ chức, cá nhân khác; hoặc
 - (c) Thanh toán các khoản nợ chưa đến hạn trước nguy cơ tài chính có thể xảy ra đối với Công Ty;
- 12.6 Bảo mật các thông tin được Công Ty cung cấp theo quy định tại Điều Lệ và pháp luật; chi sử dụng thông tin được cung cấp để thực hiện và bảo vệ quyền và lợi ích hợp pháp của mình; nghiêm cấm phát tán hoặc sao, gửi thông tin được Công Ty cung cấp cho tổ chức, cá nhân khác; và
- 12.7 Hoàn thành các nghĩa vụ khác theo quy định của Điều Lệ này và pháp luật.

Điều 13. Đại Hội Đồng Cổ Đông

- 13.1 Đại Hội Đồng Cổ Đông gồm tất cả Cổ Đông có quyền biểu quyết và là cơ quan có thẩm quyền cao nhất của Công Ty. Đại Hội Đồng Cổ Đông họp thường niên mỗi năm một lần và trong thời hạn 4 (bốn) tháng kể từ ngày kết thúc năm tài chính. Tuy nhiên, Hội Đồng Quản Trị có thể quyết định gia hạn họp Đại Hội Đồng Cổ Đông thường niên trong trường hợp cần thiết, nhưng không quá 6 (sáu) tháng kể từ ngày kết thúc năm tài chính. Ngoài cuộc họp thường niên, Đại Hội Đồng Cổ Đông có thể họp bất thường. Địa điểm họp Đại Hội Đồng Cổ Đông được xác định là nơi chủ tọa tham dự họp và phải ở trên lãnh thổ Việt Nam.
- 13.2 Hội Đồng Quản Trị tổ chức triệu tập họp Đại Hội Đồng Cổ Đông thường niên và lựa chọn địa điểm phù hợp. Đại Hội Đồng Cổ Đông thường niên quyết định những vấn đề theo quy

định của pháp luật và Điều Lệ, đặc biệt thông qua báo cáo tài chính năm được kiểm toán. Các kiểm toán viên độc lập có thể được mời tham dự cuộc họp Đại Hội Đồng Cổ Đông để tư vấn cho việc thông qua các báo cáo tài chính hằng năm.

Trường hợp báo cáo kiểm toán báo cáo tài chính năm của Công Ty có các khoản ngoại trừ trọng yếu, ý kiến kiểm toán trái ngược hoặc từ chối, Công Ty phải mời đại diện tổ chức kiểm toán được chấp thuận thực hiện kiểm toán báo cáo tài chính của Công Ty dự họp Đại Hội Đồng Cổ Đông thường niên và đại diện tổ chức kiểm toán được chấp thuận nêu trên có trách nhiệm tham dự họp Đại Hội Đồng Cổ Đông thường niên của Công Ty.

13.3 Hội Đồng Quản Trị phải triệu tập Đại Hội Đồng Cổ Đông bất thường trong các trường hợp sau:

- (a) Hội Đồng Quản Trị xét thấy cần thiết vì lợi ích của Công Ty;
- (b) Khi số lượng thành viên của Hội Đồng Quản Trị hoặc Ban Kiểm Soát còn lại ít hơn số lượng thành viên tối thiểu theo quy định của pháp luật; hoặc số lượng thành viên độc lập Hội Đồng Quản Trị giảm xuống, không bảo đảm tỷ lệ theo quy định của pháp luật;
- (c) Cổ Đông hoặc nhóm Cổ Đông quy định tại Điều 11.3 của Điều Lệ này yêu cầu triệu tập Đại Hội Đồng Cổ Đông bằng một văn bản kiến nghị. Văn bản kiến nghị triệu tập phải nêu rõ lý do và mục đích cuộc họp, có chữ ký của các Cổ Đông liên quan (văn bản kiến nghị có thể được lập thành nhiều bản để có đủ chữ ký của tất cả các Cổ Đông có liên quan);
- (d) Ban Kiểm Soát yêu cầu triệu tập cuộc họp Đại Hội Đồng Cổ Đông nếu Ban Kiểm Soát có lý do tin tưởng rằng các thành viên Hội Đồng Quản Trị hoặc Người Quản Lý cấp cao vi phạm nghiêm trọng các nghĩa vụ và trách nhiệm của họ theo Điều 164 và Điều 165 của Luật Doanh Nghiệp hoặc Hội Đồng Quản Trị hành động hoặc có ý định hành động ngoài phạm vi quyền hạn của mình; hoặc
- (e) Các trường hợp khác theo quy định của pháp luật và Điều Lệ này.

13.4 Triệu tập họp Đại Hội Đồng Cổ Đông bất thường:

- (a) Hội Đồng Quản Trị phải triệu tập họp Đại Hội Đồng Cổ Đông trong thời hạn 60 (sáu mươi) ngày kể từ ngày số thành viên Hội Đồng Quản Trị hoặc Ban Kiểm Soát còn lại như quy định tại Điều 13.3(b) của Điều Lệ này hoặc nhận được yêu cầu quy định tại Điều 13.3(c) hoặc Điều 13.3(d) của Điều Lệ này. Trường hợp Hội Đồng Quản Trị không triệu tập họp Đại Hội Đồng Cổ Đông theo quy định thì Chủ tịch Hội Đồng Quản Trị và các thành viên Hội Đồng Quản Trị phải bồi thường thiệt hại phát sinh cho Công Ty.
- (b) Trường hợp Hội Đồng Quản Trị không triệu tập họp Đại Hội Đồng Cổ Đông theo quy định tại Điều 13.4(a) của Điều Lệ này thì trong thời hạn 30 (ba mươi) ngày tiếp theo, Ban Kiểm Soát phải thay thế Hội Đồng Quản Trị triệu tập họp Đại Hội Đồng Cổ Đông theo quy định của Luật Doanh Nghiệp. Trường hợp Ban Kiểm Soát không triệu tập họp Đại Hội Đồng Cổ Đông theo quy định thì Ban Kiểm Soát phải bồi thường thiệt hại phát sinh cho Công Ty.

- (c) Trường hợp Ban Kiểm Soát không triệu tập họp Đại Hội Đồng Cổ Đông theo quy định tại Điều 13.4(b) của Điều Lệ này thì trong thời hạn ba mươi (30) ngày tiếp theo, Cổ Đông hoặc nhóm Cổ Đông có yêu cầu quy định tại Điều 13.3(c) của Điều Lệ này có quyền đại diện Công Ty triệu tập họp Đại Hội Đồng Cổ Đông theo quy định của Luật Doanh Nghiệp.

Trong trường hợp này, Cổ Đông hoặc nhóm Cổ Đông triệu tập họp Đại Hội Đồng Cổ Đông có thể đề nghị cơ quan đăng ký kinh doanh giám sát việc triệu tập và tiến hành họp nếu xét thấy cần thiết. Tất cả chi phí cho việc triệu tập và tiến hành họp Đại Hội Đồng Cổ Đông sẽ được Công Ty hoàn lại. Chi phí này không bao gồm những chi phí do Cổ Đông chi tiêu khi tham dự cuộc họp Đại Hội Đồng Cổ Đông, kể cả chi phí ăn ở và đi lại.

- 13.5 Người triệu tập họp Đại Hội Đồng Cổ Đông phải thực hiện các công việc sau đây để tổ chức cuộc họp Đại Hội Đồng Cổ Đông:

- (a) Lập danh sách Cổ Đông có quyền dự họp;
- (b) Cung cấp thông tin và giải quyết khiếu nại liên quan đến danh sách Cổ Đông;
- (c) Lập chương trình và nội dung cuộc họp;
- (d) Chuẩn bị tài liệu cho cuộc họp;
- (e) Dự thảo nghị quyết của Đại Hội Đồng Cổ Đông theo nội dung dự kiến của cuộc họp; danh sách và thông tin chi tiết của các ứng cử viên trong trường hợp bầu thành viên Hội Đồng Quản Trị, Ban Kiểm Soát;
- (f) Xác định thời gian và địa điểm họp;
- (g) Gửi thông báo mời họp đến từng Cổ Đông có quyền dự họp theo quy định; và
- (h) Các công việc khác phục vụ cuộc họp.

- 13.6 Chi phí triệu tập và tiến hành họp Đại Hội Đồng Cổ Đông theo quy định tại các Khoản 3 và 4 của Điều này sẽ được Công Ty hoàn lại.

Điều 14. Quyền và nhiệm vụ của Đại Hội Đồng Cổ Đông

- 14.1 Đại Hội Đồng Cổ Đông thường niên có quyền thảo luận và thông qua:

- (a) Kế hoạch kinh doanh hằng năm của Công Ty;
- (b) Báo cáo tài chính kiểm toán hằng năm;
- (c) Báo cáo của Hội Đồng Quản Trị về quản trị và kết quả hoạt động của Hội Đồng Quản Trị và từng thành viên Hội Đồng Quản Trị;
- (d) Báo cáo của Ban Kiểm Soát về kết quả kinh doanh của Công Ty, về kết quả hoạt động của Hội Đồng Quản Trị và Tổng Giám Đốc;

- (e) Báo cáo tự đánh giá kết quả hoạt động của Ban Kiểm Soát và của từng thành viên Ban Kiểm Soát;
- (f) Mức cổ tức đối với mỗi cổ phần của từng loại;
- (g) Kế hoạch phát triển ngắn hạn và dài hạn của Công Ty; và
- (h) Các vấn đề khác thuộc thẩm quyền.

14.2 Đại Hội Đồng Cổ Đông thường niên và bất thường thông qua quyết định bằng văn bản về các vấn đề sau:

- (a) Thông qua các báo cáo tài chính hằng năm;
- (b) Mức cổ tức thanh toán hằng năm cho mỗi loại cổ phần phù hợp với Luật Doanh Nghiệp. Mức cổ tức này không cao hơn mức mà Hội Đồng Quản Trị đề nghị;
- (c) Số lượng thành viên của Hội Đồng Quản Trị và Ban Kiểm Soát;
- (d) Lựa chọn công ty kiểm toán;
- (e) Bầu, bãi miễn và thay thế thành viên Hội Đồng Quản Trị và Ban Kiểm Soát;
- (f) Quyết định ngân sách hoặc tổng mức thù lao, thưởng và lợi ích khác cho Hội Đồng Quản Trị và Ban Kiểm Soát;
- (g) Bổ sung và sửa đổi Điều Lệ;
- (h) Loại cổ phần và số lượng cổ phần mới sẽ được phát hành cho mỗi loại cổ phần, và việc chuyển nhượng cổ phần của thành viên sáng lập trong vòng ba năm đầu tiên kể từ Ngày Thành Lập;
- (i) Chia, tách, hợp nhất, sáp nhập hoặc chuyển đổi loại hình của Công Ty;
- (j) Tổ chức lại và giải thể (thanh lý) Công Ty và chỉ định người thanh lý;
- (k) Xem xét và xử lý các vi phạm của thành viên Hội Đồng Quản Trị hoặc Ban Kiểm Soát gây thiệt hại cho Công Ty và/hoặc các Cổ Đông;
- (l) Quyết định đầu tư, bán hoặc mua tài sản của Công Ty và/hoặc chi nhánh có giá trị từ 35% (ba mươi lăm phần trăm) trở lên tổng giá trị tài sản của Công Ty và tất cả các chi nhánh của Công Ty được ghi trong báo cáo tài chính hợp nhất đã được kiểm toán gần nhất;
- (m) Công Ty mua lại hơn 10% một loại cổ phần phát hành;
- (n) Quyết định việc Công Ty phát hành trái phiếu chuyển đổi hoặc trái phiếu kèm chứng quyền;

- (o) Công Ty hoặc các chi nhánh của Công Ty:
 - (i) ký kết hợp đồng, giao dịch với những người được quy định tại Điều 167.1 của Luật Doanh Nghiệp với giá trị bằng hoặc lớn hơn 35% (ba mươi lăm phần trăm) tổng giá trị tài sản của Công Ty và tất cả các chi nhánh của Công Ty được ghi trong báo cáo tài chính hợp nhất đã được kiểm toán gần nhất; hoặc hợp đồng, giao dịch dẫn đến tổng giá trị giao dịch phát sinh trong vòng 12 (mười hai) tháng kể từ ngày thực hiện giao dịch đầu tiên có giá trị từ 35% (ba mươi lăm phần trăm) trở lên tổng giá trị tài sản của Công Ty và tất cả các chi nhánh của Công Ty được ghi trong báo cáo tài chính hợp nhất đã được kiểm toán gần nhất; hoặc
 - (ii) ký kết hợp đồng, giao dịch vay, cho vay, bán tài sản với Cổ Đông sở hữu từ 51% (năm mươi một phần trăm) tổng số cổ phần có quyền biểu quyết trở lên hoặc Người Có Liên Quan của Cổ Đông đó với giá trị lớn hơn 10% (mười phần trăm) tổng giá trị tài sản của Công Ty và tất cả các chi nhánh của Công Ty được ghi trong báo cáo tài chính hợp nhất đã được kiểm toán gần nhất;
- (p) Phê duyệt quy chế nội bộ về quản trị công ty, quy chế hoạt động của Hội Đồng Quản Trị và quy chế hoạt động của Ban Kiểm Soát; và
- (q) Các vấn đề khác theo quy định của Điều Lệ này, các quy chế khác của Công Ty và quy định của pháp luật.

14.3 Cổ Đông không được tham gia bỏ phiếu trong các trường hợp sau đây:

- (a) Các hợp đồng quy định tại Điều 14.2(o) của Điều Lệ này khi Cổ Đông đó có lợi ích liên quan đến các bên trong hợp đồng hoặc giao dịch đó; và
- (b) Việc mua cổ phần của Cổ Đông đó hoặc của Người Có Liên Quan tới Cổ Đông đó, trừ trường hợp việc mua lại cổ phần được thực hiện theo tỷ lệ sở hữu của tất cả các Cổ Đông hoặc việc mua lại được thực hiện thông qua khớp lệnh hoặc chào mua công khai trên Sở Giao Dịch Chứng Khoán.

14.4 Tất cả các nghị quyết và các vấn đề đã được đưa vào chương trình họp phải được đưa ra thảo luận và biểu quyết tại Đại Hội Đồng Cổ Đông.

Điều 15. Đại Diện Theo Ủy Quyền, Người Được Ủy Quyền Dự Họp

15.1 Cổ Đông là tổ chức có quyền cử một hoặc một số Đại Diện Theo Ủy Quyền thực hiện các quyền cổ đông của mình theo quy định của pháp luật và Điều Lệ này; trường hợp có nhiều hơn một Đại Diện Theo Ủy Quyền được cử thì phải xác định cụ thể số cổ phần và số phiếu bầu của mỗi Đại Diện Theo Ủy Quyền. Việc cử, chấm dứt hoặc thay đổi Đại Diện Theo Ủy Quyền phải được thông báo bằng văn bản đến Công Ty trong thời hạn sớm nhất và chỉ có hiệu lực đối với Công Ty kể từ ngày Công Ty nhận được thông báo bằng văn bản. Thông báo phải có các nội dung chủ yếu sau đây:

- (a) Tên, địa chỉ trụ sở chính, quốc tịch, số và ngày quyết định thành lập hoặc đăng ký kinh doanh của Cổ Đông;

- (b) Số lượng cổ phần, loại cổ phần và ngày đăng ký Cổ Đông tại Công Ty;
 - (c) Số lượng Đại Diện Theo Ủy Quyền và tỷ lệ sở hữu cổ phần tương ứng của mỗi Đại Diện Theo Ủy Quyền;
 - (d) Họ, tên, địa chỉ thường trú, địa chỉ liên lạc, quốc tịch, số Giấy chứng minh nhân dân, Hộ chiếu hoặc chứng thực cá nhân hợp pháp khác của từng Đại Diện Theo Ủy Quyền;
 - (e) Thời hạn ủy quyền tương ứng của từng Đại Diện Theo Ủy Quyền; trong đó ghi rõ ngày bắt đầu được đại diện; và
 - (f) Họ, tên, chữ ký của Đại Diện Theo Ủy Quyền và người đại diện theo pháp luật của Cổ Đông.
- 15.2 Các Cổ Đông và các Đại Diện Theo Ủy Quyền của Cổ Đông là tổ chức có thể trực tiếp tham dự họp hoặc ủy quyền cho một hoặc một số Người Được Ủy Quyền Dự Họp tham dự họp Đại Hội Đồng Cổ Đông thông qua một trong các hình thức quy định tại Điều 144.3 của Luật Doanh Nghiệp. Trường hợp có nhiều hơn một Người Được Ủy Quyền Dự Họp được cử thì phải xác định cụ thể số cổ phần và số phiếu bầu được ủy quyền cho mỗi Người Được Ủy Quyền Dự Họp. Người Được Ủy Quyền Dự Họp không nhất thiết phải là Cổ Đông của Công Ty.
- 15.3 Việc ủy quyền cho Người Được Ủy Quyền Dự Họp tham dự cuộc họp Đại Hội Đồng Cổ Đông phải lập thành văn bản theo mẫu của Công Ty và phải có chữ ký theo quy định sau đây:
- (a) Trường hợp Cổ Đông cá nhân là người ủy quyền thì phải có chữ ký của Cổ Đông đó và Người Được Ủy Quyền Dự Họp;
 - (b) Trường hợp Đại Diện Theo Ủy Quyền của Cổ Đông là tổ chức là người ủy quyền thì phải có chữ ký của Đại Diện Theo Ủy Quyền và Người Được Ủy Quyền Dự Họp;
 - (c) Trong trường hợp khác thì phải có chữ ký của người đại diện theo pháp luật của Cổ Đông và Người Được Ủy Quyền Dự Họp.

Khi tham dự cuộc họp Đại Hội Đồng Cổ Đông, Người Được Ủy Quyền Dự Họp phải nộp văn bản ủy quyền khi đăng ký dự họp trước khi vào phòng họp. Trường hợp ủy quyền lại thì người tham dự họp phải xuất trình thêm văn bản ủy quyền ban đầu (bản gốc hoặc bản sao hợp lệ) của Cổ Đông hoặc Đại Diện Theo Ủy Quyền của Cổ Đông là tổ chức (nếu trước đó chưa đăng ký với Công Ty).

- 15.4 Phiếu biểu quyết của Người Được Ủy Quyền Dự Họp trong phạm vi được ủy quyền vẫn có hiệu lực khi có một trong các trường hợp sau đây:
- (a) Người ủy quyền đã chết, bị hạn chế năng lực hành vi dân sự hoặc bị mất năng lực hành vi dân sự;
 - (b) Người ủy quyền đã hủy bỏ việc chỉ định ủy quyền; hoặc

(c) Người ủy quyền đã hủy bỏ thẩm quyền của Người Được Ủy Quyền Dự Họp.

Điều khoản này sẽ không áp dụng trong trường hợp Công Ty nhận được thông báo về một trong các sự kiện trên trước giờ khai mạc cuộc họp Đại Hội Đồng Cổ Đông hoặc trước khi cuộc họp được triệu tập lại.

Điều 16. Thay đổi các quyền

- 16.1 Việc thay đổi hoặc hủy bỏ các quyền đặc biệt gắn liền với một loại cổ phần ưu đãi có hiệu lực khi được Cổ Đông nắm giữ ít nhất 65% (sáu mươi lăm phần trăm) tổng số cổ phần phổ thông của Công Ty tham dự họp thông qua, đồng thời được Cổ Đông nắm giữ ít nhất 75% (bảy mươi lăm phần trăm) tổng số cổ phần ưu đãi đã phát hành loại đó biểu quyết thông qua.
- 16.2 Việc tổ chức cuộc họp của các Cổ Đông nắm giữ một loại cổ phần ưu đãi đề thông qua việc thay đổi quyền nêu trên chỉ có giá trị khi có tối thiểu hai Cổ Đông (hoặc Người Được Ủy Quyền Dự Họp của họ) và nắm giữ tối thiểu một phần ba (1/3) giá trị mệnh giá của các cổ phần loại đó đã phát hành tham dự. Trường hợp không có đủ số đại biểu như nêu trên thì cuộc họp sẽ được tổ chức lại trong vòng 30 (ba mươi) ngày tiếp theo và các Cổ Đông nắm giữ cổ phần thuộc loại đó (không phụ thuộc vào số lượng người và số cổ phần) có mặt trực tiếp hoặc thông qua Người Được Ủy Quyền Dự Họp đều được coi là đủ số lượng đại biểu yêu cầu. Tại các cuộc họp của các Cổ Đông nắm giữ cổ phần ưu đãi nêu trên, những người nắm giữ cổ phần thuộc loại đó có mặt trực tiếp hoặc thông qua Người Được Ủy Quyền Dự Họp có thể yêu cầu bỏ phiếu kín. Mỗi cổ phần cùng loại có quyền biểu quyết ngang bằng nhau tại các cuộc họp nêu trên.
- 16.3 Thủ tục tiến hành các cuộc họp riêng biệt như vậy được thực hiện tương tự với các quy định tại Điều 18, Điều 19 và Điều 20 của Điều Lệ này.
- 16.4 Trừ khi các điều khoản phát hành cổ phần quy định khác, các quyền đặc biệt gắn liền với các loại cổ phần có quyền ưu đãi đối với một số hoặc tất cả các vấn đề liên quan đến việc phân phối lợi nhuận hoặc tài sản của Công Ty sẽ không bị thay đổi khi Công Ty phát hành thêm các cổ phần cùng loại.

Điều 17. Triệu tập họp Đại Hội Đồng Cổ Đông, chương trình họp, và thông báo mời họp Đại Hội Đồng Cổ Đông

- 17.1 Hội Đồng Quản Trị triệu tập cuộc họp Đại Hội Đồng Cổ Đông thường niên và bất thường. Hội Đồng Quản Trị triệu tập họp Đại Hội Đồng Cổ Đông bất thường theo các trường hợp quy định tại Điều 13.3 của Điều Lệ này.
- 17.2 Người triệu tập Đại Hội Đồng Cổ Đông phải thực hiện những nhiệm vụ sau đây:
 - (a) Chuẩn bị danh sách các Cổ Đông đủ điều kiện tham gia và biểu quyết tại cuộc họp Đại Hội Đồng Cổ Đông. Danh sách Cổ Đông có quyền dự họp Đại Hội Đồng Cổ Đông được lập không quá 10 (mười) ngày trước ngày gửi thông báo mời họp Đại Hội Đồng Cổ Đông;
 - (b) Chuẩn bị chương trình, nội dung đại hội và tài liệu cho đại hội;
 - (c) Xác định thời gian và địa điểm tổ chức họp Đại Hội Đồng Cổ Đông; và

- (d) Thông báo và gửi thông báo họp Đại Hội Đồng Cổ Đông cho tất cả các Cổ Đông có quyền dự họp.
- 17.3 Thông báo mời họp Đại Hội Đồng Cổ Đông được gửi cho tất cả các Cổ Đông bằng phương thức để bảo đảm đến được địa chỉ liên lạc của Cổ Đông, đồng thời công bố trên trang thông tin điện tử của Ủy Ban Chứng Khoán Nhà Nước, Sở Giao Dịch Chứng Khoán và trên website của Công Ty. Thông báo mời họp Đại Hội Đồng Cổ Đông phải được gửi chậm nhất là 21 (hai mươi một) ngày trước ngày khai mạc họp Đại Hội Đồng Cổ Đông (tính từ ngày mà thông báo được gửi hoặc chuyển đi một cách hợp lệ).
- Chương trình họp Đại Hội Đồng Cổ Đông, các tài liệu liên quan đến các vấn đề sẽ được biểu quyết tại đại hội được gửi cho các Cổ Đông và/hoặc đăng trên website của Công Ty. Trong trường hợp tài liệu không được gửi kèm thông báo mời họp Đại Hội Đồng Cổ Đông, thông báo mời họp phải nêu rõ đường dẫn đến toàn bộ tài liệu họp để các Cổ Đông có thể tiếp cận, bao gồm:
- (a) Chương trình họp và các tài liệu sử dụng trong cuộc họp và dự thảo nghị quyết đối với từng vấn đề trong chương trình họp;
- (b) Danh sách và thông tin của các ứng viên trong trường hợp bầu thành viên Hội Đồng Quản Trị và/hoặc thành viên Ban Kiểm Soát; và
- (c) Phiếu biểu quyết.
- 17.4 Cổ Đông hoặc nhóm Cổ Đông được đề cập tại Điều 11.3 của Điều Lệ này có quyền đề xuất các vấn đề đưa vào chương trình họp Đại Hội Đồng Cổ Đông. Đề xuất phải được làm bằng văn bản và phải được gửi cho Công Ty ít nhất 5 (năm) ngày làm việc trước ngày khai mạc cuộc họp Đại Hội Đồng Cổ Đông. Đề xuất phải bao gồm họ và tên Cổ Đông, số lượng và loại cổ phần người đó nắm giữ, và nội dung đề nghị đưa vào chương trình họp.
- 17.5 Người triệu tập họp Đại Hội Đồng Cổ Đông có quyền từ chối những đề xuất tại Điều 17.4 của Điều Lệ này nếu thuộc một trong các trường hợp sau:
- (a) Đề xuất được gửi đến không đúng quy định tại Điều 17.4 của Điều Lệ này;
- (b) Vào thời điểm đề xuất, Cổ Đông hoặc nhóm Cổ Đông không nắm giữ đủ ít nhất 5% (năm phần trăm) tổng số cổ phần phổ thông của Công Ty;
- (c) Vấn đề đề xuất không thuộc phạm vi thẩm quyền quyết định của Đại Hội Đồng Cổ Đông; hoặc
- (d) Các trường hợp khác theo quy định của pháp luật và Điều Lệ này.
- 17.6 Hội Đồng Quản Trị phải chuẩn bị dự thảo nghị quyết cho từng vấn đề trong chương trình họp Đại Hội Đồng Cổ Đông.
- 17.7 Các nghị quyết được Đại Hội Đồng Cổ Đông thông qua bằng 100% (một trăm phần trăm) tổng số cổ phần có quyền biểu quyết là hợp pháp và có hiệu lực kể cả trong trường hợp việc triệu tập Đại Hội Đồng Cổ Đông không theo đúng thủ tục hoặc nội dung biểu quyết không có trong chương trình theo quy định của Luật Doanh Nghiệp và Điều Lệ này.

Điều 18. Các điều kiện tiến hành họp Đại Hội Đồng Cổ Đông

- 18.1 Đại Hội Đồng Cổ Đông được tiến hành khi có số Cổ Đông đại diện trên 50% (năm mươi phần trăm) tổng số cổ phần có quyền biểu quyết của Công Ty tham dự.
- 18.2 Trường hợp cuộc họp Đại Hội Đồng Cổ Đông lần thứ nhất không đủ điều kiện tiến hành do không có đủ số lượng đại biểu cần thiết theo quy định tại Điều 18.1 của Điều Lệ này trong vòng 30 (ba mươi) phút kể từ thời điểm ấn định khai mạc cuộc họp, người triệu tập họp phải hủy cuộc họp. Cuộc họp Đại Hội Đồng Cổ Đông phải được triệu tập lại lần thứ hai trong vòng 30 (ba mươi) ngày kể từ ngày dự định tổ chức Đại Hội Đồng Cổ Đông lần thứ nhất. Cuộc họp Đại Hội Đồng Cổ Đông triệu tập lại chỉ được tiến hành khi có số Cổ Đông dự họp đại diện cho ít nhất 33% (ba mươi ba phần trăm) tổng cổ phần có quyền biểu quyết.
- 18.3 Trường hợp cuộc họp Đại Hội Đồng Cổ Đông lần thứ hai không đủ điều kiện tiến hành do không có đủ số đại biểu cần thiết theo quy định tại Điều 18.2 của Điều Lệ này trong vòng 30 (ba mươi) phút kể từ thời điểm ấn định khai mạc cuộc họp, cuộc họp Đại Hội Đồng Cổ Đông có thể được triệu tập lại lần thứ ba trong vòng 20 (hai mươi) ngày kể từ ngày dự định tổ chức Đại Hội Đồng Cổ Đông lần thứ hai, và trong trường hợp này cuộc họp Đại Hội Đồng Cổ Đông được tiến hành không phụ thuộc vào tổng số cổ phần có quyền biểu quyết của các Cổ Đông dự họp.
- 18.4 Theo đề nghị chủ tọa cuộc họp, Đại Hội Đồng Cổ Đông có quyền thay đổi chương trình họp đã được gửi kèm theo thông báo mời họp theo quy định tại Điều 17.3 của Điều Lệ này.

Điều 19. Thể thức tiến hành họp và biểu quyết tại cuộc họp Đại Hội Đồng Cổ Đông

- 19.1 Vào ngày tổ chức họp Đại Hội Đồng Cổ Đông, Công Ty phải thực hiện thủ tục đăng ký Cổ Đông và phải thực hiện việc đăng ký cho đến khi các Cổ Đông có quyền dự họp có mặt đăng ký hết theo trình tự sau:
- (a) Khi tiến hành đăng ký Cổ Đông, Công Ty sẽ cấp cho từng Cổ Đông hoặc Người Được Ủy Quyền Dự Họp có quyền biểu quyết một hoặc nhiều phiếu biểu quyết, trên đó có ghi số cổ phần có quyền biểu quyết của Cổ Đông hoặc Người Được Ủy Quyền Dự Họp đó. Việc biểu quyết được tiến hành bằng phiếu biểu quyết tán thành, không tán thành và không có ý kiến. Khi tiến hành biểu quyết tại cuộc họp Đại Hội Đồng Cổ Đông, số phiếu tán thành nghị quyết được thu trước, số phiếu không tán thành nghị quyết được thu sau, cuối cùng đếm tổng số phiếu tán thành hay không tán thành để quyết định. Kết quả kiểm phiếu sẽ được chủ tọa hoặc thư ký cuộc họp Đại Hội Đồng Cổ Đông công bố ngay sau khi tiến hành biểu quyết từng vấn đề và/hoặc trước khi bế mạc cuộc họp. Đại Hội Đồng Cổ Đông sẽ bầu những người chịu trách nhiệm kiểm phiếu hoặc giám sát kiểm phiếu theo đề nghị của chủ tọa. Số thành viên của ban kiểm phiếu do Đại Hội Đồng Cổ Đông quyết định căn cứ đề nghị của chủ tọa cuộc họp.
- (b) Cổ Đông hoặc Người Được Ủy Quyền Dự Họp đến dự cuộc họp Đại Hội Đồng Cổ Đông muộn có quyền đăng ký ngay và sau đó có quyền tham gia và biểu quyết tại cuộc họp Đại Hội Đồng Cổ Đông ngay sau khi đăng ký. Chủ tọa không có trách nhiệm dừng cuộc họp Đại Hội Đồng Cổ Đông để cho Cổ Đông đến muộn đăng ký

và hiệu lực của những nội dung đã được biểu quyết trước khi Cổ Đông đến muộn tham dự không bị ảnh hưởng.

19.2 Việc bầu chủ tọa, thư ký và ban kiểm phiếu được quy định như sau:

- (a) Chủ tịch Hội Đồng Quản Trị làm chủ tọa hoặc ủy quyền cho thành viên Hội Đồng Quản Trị khác làm chủ tọa cuộc họp Đại Hội Đồng Cổ Đông thường niên và các cuộc họp Đại Hội Đồng Cổ Đông khác do Hội Đồng Quản Trị triệu tập. Trường hợp Chủ tịch Hội Đồng Quản Trị vắng mặt hoặc tạm thời mất khả năng làm việc thì Phó Chủ tịch Hội Đồng Quản Trị là chủ tọa cuộc họp (hoặc các thành viên Hội Đồng Quản Trị còn lại bầu 01 (một) người trong số họ làm chủ tọa cuộc họp theo nguyên tắc đa số). Trường hợp không bầu được người làm chủ tọa thì Trường Ban Kiểm Soát điều hành đề Đại Hội Đồng Cổ Đông bầu chủ tọa cuộc họp và người có số phiếu bầu cao nhất làm chủ tọa cuộc họp;
- (b) Trừ trường hợp quy định tại Điều 19.2(a) của Điều Lệ này, người ký tên triệu tập họp Đại Hội Đồng Cổ Đông điều hành đề Đại Hội Đồng Cổ Đông bầu chủ tọa cuộc họp và người có số phiếu bầu cao nhất làm chủ tọa cuộc họp;
- (c) Chủ tọa cử một hoặc một số người làm thư ký cuộc họp; và
- (d) Đại Hội Đồng Cổ Đông bầu một hoặc một số người vào ban kiểm phiếu theo đề nghị của chủ tọa cuộc họp.

19.3 Chủ tọa đại hội có quyền quyết định về trình tự, thủ tục hoặc các sự kiện phát sinh ngoài chương trình của cuộc họp Đại Hội Đồng Cổ Đông.

19.4 Chủ tọa có quyền hoãn cuộc họp Đại Hội Đồng Cổ Đông đã có đủ số đại biểu cần thiết tối đa không quá 3 (ba) ngày làm việc kể từ ngày cuộc họp dự định khai mạc và chỉ được hoãn cuộc họp hoặc thay đổi địa điểm họp trong các trường hợp sau đây:

- (a) Địa điểm họp không có đủ chỗ ngồi thuận tiện cho tất cả người dự họp;
- (b) Có người dự họp cản trở, gây rối trật tự, có nguy cơ làm cho cuộc họp không được tiến hành một cách công bằng và hợp pháp;
- (c) Các phương tiện thông tin tại địa điểm họp không bảo đảm cho các Cổ Đông dự họp tham gia, thảo luận và biểu quyết.

Ngoài ra, chủ tọa đại hội có thể hoãn đại hội khi có sự nhất trí hoặc yêu cầu của Đại Hội Đồng Cổ Đông đã có đủ số lượng đại biểu dự họp cần thiết. Thời gian hoãn tối đa không quá ba (3) ngày kể từ ngày dự định khai mạc cuộc họp Đại Hội Đồng Cổ Đông. Đại Hội Đồng Cổ Đông họp lại sẽ chỉ xem xét các công việc lẽ ra đã được giải quyết hợp pháp tại cuộc họp Đại Hội Đồng Cổ Đông bị trì hoãn trước đó.

19.5 Trường hợp chủ tọa hoãn hoặc tạm dừng cuộc họp Đại Hội Đồng Cổ Đông trái với quy định tại Điều 19.4 của Điều Lệ này, Đại Hội Đồng Cổ Đông bầu một người khác trong số những thành viên dự họp để thay thế chủ tọa điều hành cuộc họp cho đến lúc kết thúc; và tất cả nghị quyết được thông qua tại cuộc họp đó đều có hiệu lực thi hành.

- 19.6 Chủ tọa cuộc họp Đại Hội Đồng Cổ Đông có quyền tiến hành các hoạt động mà chủ tọa thấy rằng cần thiết để điều khiển cuộc họp Đại Hội Đồng Cổ Đông một cách trật tự, đúng theo chương trình đã được thông qua và phản ánh được mong muốn của đa số người dự họp.
- 19.7 Người triệu tập họp hoặc chủ tọa cuộc họp Đại Hội Đồng Cổ Đông có thể yêu cầu các Cổ Đông hoặc Người Được Ủy Quyền Dự Họp tham dự cuộc họp Đại Hội Đồng Cổ Đông chịu sự kiểm tra hoặc các biện pháp an ninh mà họ thấy rằng hợp pháp, hợp lý. Trường hợp có Cổ Đông hoặc Người Được Ủy Quyền Dự Họp không chịu tuân thủ những quy định về kiểm tra hoặc các biện pháp an ninh nói trên, người triệu tập họp hoặc chủ tọa cuộc họp sau khi xem xét một cách cẩn trọng có thể từ chối hoặc trục xuất Cổ Đông hoặc Người Được Ủy Quyền Dự Họp nói trên ra khỏi cuộc họp Đại Hội Đồng Cổ Đông.
- 19.8 Người triệu tập họp hoặc chủ tọa cuộc họp Đại Hội Đồng Cổ Đông, sau khi đã xem xét một cách cẩn trọng, có thể tiến hành các biện pháp thích hợp để:
- (a) Bố trí chỗ ngồi tại địa điểm họp Đại Hội Đồng Cổ Đông;
 - (b) Bảo đảm an toàn cho mọi người có mặt tại địa điểm họp; và
 - (c) Tạo điều kiện cho Cổ Đông tham dự (hoặc tiếp tục tham dự) cuộc họp Đại Hội Đồng Cổ Đông.

Người triệu tập họp hoặc chủ tọa cuộc họp Đại Hội Đồng Cổ Đông có toàn quyền thay đổi những biện pháp nêu trên và áp dụng tất cả các biện pháp cần thiết. Các biện pháp áp dụng có thể là cấp giấy vào cửa hoặc sử dụng những hình thức lựa chọn khác.

- 19.9 Trong trường hợp tại Đại Hội Đồng Cổ Đông có áp dụng các biện pháp nói trên, người triệu tập họp Đại Hội Đồng Cổ Đông khi xác định địa điểm họp Đại Hội Đồng Cổ Đông có thể:
- (a) Thông báo rằng cuộc họp Đại Hội Đồng Cổ Đông sẽ được tiến hành tại địa điểm ghi trong thông báo và chủ tọa cuộc họp Đại Hội Đồng Cổ Đông sẽ có mặt tại đó ("**Địa điểm chính của cuộc họp Đại Hội Đồng Cổ Đông**");
 - (b) Bố trí, tổ chức để những Cổ Đông hoặc Người Được Ủy Quyền Dự Họp không dự họp được hoặc những người muốn tham gia ở địa điểm khác với Địa điểm chính của cuộc họp Đại Hội Đồng Cổ Đông có thể đồng thời tham dự cuộc họp Đại Hội Đồng Cổ Đông; và
 - (c) Thông báo về việc tổ chức họp Đại Hội Đồng Cổ Đông không cần nêu chi tiết những biện pháp tổ chức theo điều khoản này.

Trong Điều Lệ này (trừ khi hoàn cảnh yêu cầu khác), mọi Cổ Đông sẽ được coi là tham gia họp Đại Hội Đồng Cổ Đông ở Địa điểm chính của cuộc họp Đại Hội Đồng Cổ Đông.

- 19.10 Hằng năm, Công Ty phải tổ chức họp Đại Hội Đồng Cổ Đông ít nhất một lần.
- 19.11 Trường hợp Công Ty áp dụng công nghệ hiện đại để tổ chức Đại Hội Đồng Cổ Đông thông qua họp trực tuyến, Công Ty có trách nhiệm đảm bảo để Cổ Đông tham dự, biểu quyết bằng hình thức bỏ phiếu điện tử hoặc hình thức điện tử khác phù hợp với quy định của

pháp luật. Các nghị quyết được thông qua tại các cuộc họp Đại Hội Đồng Cổ Đông được tổ chức dưới hình thức họp và bỏ phiếu trực tuyến hoặc điện tử có giá trị như các nghị quyết được thông qua tại các cuộc họp trực tiếp.

Điều 20. Thông qua nghị quyết của Đại Hội Đồng Cổ Đông

- 20.1 Đại Hội Đồng Cổ Đông thông qua các nghị quyết thuộc thẩm quyền bằng hình thức biểu quyết tại cuộc họp Đại Hội Đồng Cổ Đông hoặc dưới hình thức lấy ý kiến Cổ Đông bằng văn bản.
- 20.2 Các nghị quyết của Đại Hội Đồng Cổ Đông về các vấn đề sau đây phải được thông qua bằng hình thức biểu quyết tại cuộc họp Đại Hội Đồng Cổ Đông:
- (a) Thông qua báo cáo tài chính năm được kiểm toán;
 - (b) Thông qua kế hoạch phát triển ngắn và dài hạn của Công Ty; và
 - (c) Bầu, bãi nhiệm, miễn nhiệm, thay thế thành viên Hội Đồng Quản Trị và Ban Kiểm Soát.

Ngoại trừ ba vấn đề nêu trên, Đại Hội Đồng Cổ Đông có thể thông qua nghị quyết dưới hình thức lấy ý kiến Cổ Đông bằng văn bản đối với tất cả các vấn đề khác thuộc thẩm quyền của Đại Hội Đồng Cổ Đông.

- 20.3 Nghị quyết của Đại Hội Đồng Cổ Đông được thông qua tại cuộc họp Đại Hội Đồng Cổ Đông khi thuộc một trong các trường hợp sau:
- (a) Được số Cổ Đông đại diện trên 50% (năm mươi phần trăm) tổng số cổ phần có quyền biểu quyết của tất cả các Cổ Đông dự họp chấp thuận, ngoại trừ các trường hợp nêu tại Điều 16.1, Điều 20.3(b), Điều 20.3(c) và Điều 21.8 của Điều Lệ này.
 - (b) Các nghị quyết về các vấn đề sau đây được thông qua khi được số Cổ Đông đại diện ít nhất 65% (sáu mươi lăm phần trăm) tổng số cổ phần có quyền biểu quyết của tất cả các Cổ Đông dự họp chấp thuận:
 - (i) Loại cổ phần và tổng số cổ phần của từng loại;
 - (ii) Thay đổi ngành, nghề và lĩnh vực kinh doanh;
 - (iii) Thay đổi cơ cấu tổ chức quản lý Công Ty;
 - (iv) Dự án, giao dịch đầu tư, bán hoặc mua tài sản do Công Ty và/hoặc chi nhánh của Công Ty thực hiện, có giá trị từ 35% (ba mươi lăm phần trăm) trở lên tổng giá trị tài sản của Công Ty và tất cả các chi nhánh của Công Ty được ghi trong báo cáo tài chính hợp nhất đã được kiểm toán gần nhất; và
 - (v) Tổ chức lại, giải thể Công Ty.
 - (c) Việc biểu quyết bầu thành viên Hội Đồng Quản Trị hoặc Ban Kiểm Soát phải được thực hiện theo phương thức bầu dồn phiếu, theo đó mỗi Cổ Đông có tổng số phiếu biểu quyết tương ứng với tổng số cổ phần sở hữu nhân với số thành viên được bầu

của Hội Đồng Quản Trị hoặc Ban Kiểm Soát, và Cổ Đông có quyền dồn hết hoặc một phần tổng số phiếu bầu của mình cho một hoặc một số ứng cử viên. Người trúng cử thành viên Hội Đồng Quản Trị hoặc thành viên Ban Kiểm Soát được xác định theo số phiếu bầu tính từ cao xuống thấp, bắt đầu từ ứng cử viên có số phiếu bầu cao nhất cho đến khi đủ số thành viên cần bầu. Trường hợp có từ hai ứng cử viên trở lên đạt cùng số phiếu bầu như nhau cho thành viên cần bầu cuối cùng, Đại Hội Đồng Cổ Đông sẽ tiến hành bầu tiếp trong số các ứng cử viên có số phiếu bầu ngang nhau hoặc quyết định lựa chọn theo tiêu chí quy định tại Quy chế Bầu cử.

- 20.4 Nghị quyết của Đại Hội Đồng Cổ Đông phải được thông báo đến Cổ Đông có quyền dự họp Đại Hội Đồng Cổ Đông trong thời hạn 15 (mười lăm) ngày, kể từ ngày nghị quyết được thông qua; trường hợp Công Ty có trang thông tin điện tử, việc gửi nghị quyết có thể thay thế bằng việc đăng tải lên trang thông tin điện tử của Công Ty.
- 20.5 Nghị quyết định của Đại Hội Đồng Cổ Đông dưới hình thức lấy ý kiến Cổ Đông bằng văn bản được thông qua khi đáp ứng điều kiện quy định tại Điều 21.8 của Điều Lệ này.

Điều 21. Thăm quyền và thể thức lấy ý kiến Cổ Đông bằng văn bản để thông qua nghị quyết của Đại Hội Đồng Cổ Đông

Thăm quyền và thể thức lấy ý kiến Cổ Đông bằng văn bản để thông qua nghị quyết của Đại Hội Đồng Cổ Đông được thực hiện theo quy định sau đây:

- 21.1 Hội Đồng Quản Trị có quyền lấy ý kiến Cổ Đông bằng văn bản để thông qua nghị quyết của Đại Hội Đồng Cổ Đông bất cứ lúc nào nếu xét thấy cần thiết vì lợi ích của Công Ty.
- 21.2 Hội Đồng Quản Trị phải chuẩn bị phiếu lấy ý kiến, dự thảo nghị quyết của Đại Hội Đồng Cổ Đông và các tài liệu giải trình dự thảo nghị quyết và gửi đến tất cả Cổ Đông có quyền biểu quyết chậm nhất là 10 (mười) ngày trước thời hạn phải gửi lại phiếu lấy ý kiến.
- 21.3 Phiếu lấy ý kiến phải có các nội dung chủ yếu sau đây:
- (a) Tên, địa chỉ trụ sở chính, số và ngày cấp Giấy chứng nhận đăng ký kinh doanh, nơi đăng ký kinh doanh của Công Ty;
 - (b) Mục đích lấy ý kiến;
 - (c) Họ, tên, địa chỉ thường trú, quốc tịch, số giấy chứng minh nhân dân, thẻ căn cước, hộ chiếu hoặc chứng thực cá nhân hợp pháp khác của Cổ Đông là cá nhân; tên, địa chỉ trụ sở chính, quốc tịch, mã số doanh nghiệp, số giấy tờ pháp lý của Cổ Đông là tổ chức; hoặc họ tên, địa chỉ liên lạc, quốc tịch, số giấy tờ pháp lý của cá nhân đối với Đại Diện Theo Ủy Quyền của Cổ Đông là tổ chức; và số lượng cổ phần của từng loại và số phiếu biểu quyết của Cổ Đông;
 - (d) Vấn đề cần lấy ý kiến để thông qua nghị quyết;
 - (e) Phương án biểu quyết bao gồm tán thành, không tán thành và không có ý kiến đối với từng vấn đề lấy ý kiến;
 - (f) Thời hạn phải gửi về Công Ty phiếu lấy ý kiến đã được trả lời; và

- (g) Họ, tên, chữ ký của Chủ tịch Hội Đồng Quản Trị.
- 21.4 Cổ Đông có thể gửi phiếu lấy ý kiến đã được trả lời đến Công Ty bằng hình thức gửi thư, fax hoặc thư điện tử theo quy định sau đây:
- (a) Trường hợp gửi thư, phiếu lấy ý kiến đã được trả lời phải có chữ ký của Cổ Đông là cá nhân, của Đại Diện Theo Ủy Quyền hoặc người đại diện theo pháp luật của Cổ Đông là tổ chức. Phiếu lấy ý kiến gửi về Công Ty phải được đựng trong phong bì dán kín và không ai được quyền mở trước khi kiểm phiếu;
 - (b) Trường hợp gửi fax hoặc thư điện tử, phiếu lấy ý kiến gửi về Công Ty phải được giữ bí mật đến thời điểm kiểm phiếu; và
 - (c) Các phiếu lấy ý kiến gửi về Công Ty sau thời hạn đã xác định tại nội dung phiếu lấy ý kiến hoặc đã bị mở trong trường hợp gửi thư và bị tiết lộ trong trường hợp gửi fax, thư điện tử là không hợp lệ. Phiếu lấy ý kiến không được gửi về được coi là phiếu không tham gia biểu quyết.
- 21.5 Hội Đồng Quản Trị tổ chức kiểm phiếu và lập biên bản kiểm phiếu dưới sự chứng kiến của Ban Kiểm Soát hoặc của Cổ Đông không nắm giữ chức vụ quản lý Công Ty. Biên bản kiểm phiếu phải có các nội dung chủ yếu sau đây:
- (a) Tên, địa chỉ trụ sở chính, số và ngày cấp Giấy chứng nhận đăng ký kinh doanh, nơi đăng ký kinh doanh của Công Ty;
 - (b) Mục đích và các vấn đề cần lấy ý kiến để thông qua nghị quyết;
 - (c) Số Cổ Đông với tổng số phiếu biểu quyết đã tham gia biểu quyết, trong đó phân biệt số phiếu biểu quyết hợp lệ và số biểu quyết không hợp lệ, kèm theo phụ lục danh sách Cổ Đông tham gia biểu quyết;
 - (d) Tổng số phiếu tán thành, không tán thành và không có ý kiến đối với từng vấn đề;
 - (e) Vấn đề đã được thông qua và tỷ lệ biểu quyết thông qua tương ứng; và
 - (f) Họ, tên, chữ ký của Chủ tịch Hội Đồng Quản Trị, người giám sát kiểm phiếu và người kiểm phiếu.
- Các thành viên Hội Đồng Quản Trị, người giám sát kiểm phiếu và người kiểm phiếu phải liên đới chịu trách nhiệm về tính trung thực, chính xác của biên bản kiểm phiếu; liên đới chịu trách nhiệm về các thiệt hại phát sinh từ các nghị quyết được thông qua do kiểm phiếu không trung thực, không chính xác.
- 21.6 Biên bản kiểm phiếu và nghị quyết phải được gửi đến các Cổ Đông trong thời hạn 15 (mười lăm) ngày kể từ ngày kết thúc kiểm phiếu. Việc gửi biên bản kiểm phiếu và nghị quyết có thể thay thế bằng việc công bố trên website của Công Ty.
- 21.7 Phiếu lấy ý kiến đã được trả lời, biên bản kiểm phiếu, toàn văn nghị quyết đã được thông qua và tài liệu có liên quan gửi kèm theo phiếu lấy ý kiến đều phải được lưu giữ tại trụ sở chính của Công Ty.

- 21.8 Nghị quyết được thông qua theo hình thức lấy ý kiến Cổ Đông bằng văn bản phải được số Cổ Đông sở hữu trên 50% (năm mươi phần trăm) tổng số phiếu biểu quyết của tất cả Cổ Đông có quyền biểu quyết chấp thuận và có giá trị như nghị quyết được thông qua tại cuộc họp Đại Hội Đồng Cổ Đông.

Điều 22. Biên bản họp Đại Hội Đồng Cổ Đông

Người chủ trì Đại Hội Đồng Cổ Đông chịu trách nhiệm tổ chức lưu trữ các biên bản họp Đại Hội Đồng Cổ Đông. Biên bản họp Đại Hội Đồng Cổ Đông phải được gửi đến tất cả Cổ Đông trong thời hạn 15 (mười lăm) ngày kể từ ngày kết thúc cuộc họp; việc gửi biên bản họp có thể thay thế bằng việc công bố trên website của Công Ty. Biên bản họp Đại Hội Đồng Cổ Đông được coi là bằng chứng xác thực về những công việc đã được tiến hành tại Đại Hội Đồng Cổ Đông trừ khi có ý kiến phản đối về nội dung biên bản họp được đưa ra theo đúng quy định. Biên bản họp phải được lập bằng tiếng Việt và có đầy đủ nội dung và chữ ký xác nhận theo quy định của Luật Doanh Nghiệp và Điều Lệ này. Các biên bản họp, nghị quyết, sổ chữ ký của các Cổ Đông dự họp, văn bản ủy quyền tham dự họp, tất cả các tài liệu đính kèm biên bản họp (nếu có) và tài liệu có liên quan kèm theo thông báo mời họp phải được lưu giữ tại trụ sở chính của Công Ty.

Điều 23. Yêu cầu hủy bỏ nghị quyết của Đại Hội Đồng Cổ Đông

Trong thời hạn 90 (chín mươi) ngày, kể từ ngày nhận được nghị quyết hoặc biên bản họp Đại Hội Đồng Cổ Đông hoặc biên bản kết quả kiểm phiếu lấy ý kiến Đại Hội Đồng Cổ Đông bằng văn bản, Cổ Đông hoặc nhóm Cổ Đông quy định tại Điều 11.3 của Điều Lệ này có quyền yêu cầu Tòa án hoặc Trọng tài xem xét, hủy bỏ nghị quyết hoặc một phần nội dung nghị quyết của Đại Hội Đồng Cổ Đông trong các trường hợp sau đây:

- 23.1 Trình tự và thủ tục triệu tập họp và ra quyết định của Đại Hội Đồng Cổ Đông vi phạm nghiêm trọng quy định của Luật Doanh Nghiệp và Điều Lệ này, trừ trường hợp quy định tại Điều 17.7 của Điều Lệ này; hoặc
- 23.2 Nội dung nghị quyết vi phạm quy định của pháp luật hoặc Điều Lệ này.

Các nghị quyết của Đại Hội Đồng Cổ Đông vẫn có hiệu lực thi hành cho đến khi quyết định hủy bỏ nghị quyết đó của Tòa án hoặc Trọng tài có hiệu lực, trừ trường hợp áp dụng biện pháp khẩn cấp tạm thời theo quyết định của cơ quan có thẩm quyền.

VII. HỘI ĐỒNG QUẢN TRỊ

Điều 24. Thành phần và nhiệm kỳ của thành viên Hội Đồng Quản Trị

- 24.1 Số lượng thành viên Hội Đồng Quản Trị ít nhất là 05 (năm) người và nhiều nhất là 11 (mười một) người.
- 24.2 Nhiệm kỳ của Hội Đồng Quản Trị là 05 (năm) năm. Nhiệm kỳ của thành viên Hội Đồng Quản Trị không quá 05 (năm) năm; và thành viên Hội Đồng Quản Trị có thể được bầu lại với số nhiệm kỳ không hạn chế (tuy nhiên, một cá nhân chỉ được bầu làm thành viên độc lập Hội Đồng Quản Trị của Công Ty không quá hai nhiệm kỳ liên tục). Cơ cấu Hội Đồng Quản Trị phải đảm bảo tối thiểu một phần ba (1/3) tổng số thành viên Hội Đồng Quản Trị là thành viên không điều hành và có đủ số lượng thành viên độc lập Hội Đồng Quản Trị theo quy định của pháp luật. Thành viên Hội Đồng Quản Trị có thể không mang quốc tịch Việt Nam và/hoặc không cư trú tại Việt Nam.

Trường hợp tất cả thành viên Hội Đồng Quản Trị cùng kết thúc nhiệm kỳ thì các thành viên đó tiếp tục là thành viên Hội Đồng Quản Trị cho đến khi có thành viên mới được bầu thay thế và tiếp quản công việc.

- 24.3 Cổ Đông hoặc nhóm Cổ Đông nắm giữ tối thiểu 5% (năm phần trăm) tổng số cổ phần có quyền biểu quyết trong thời hạn liên tục ít nhất 6 (sáu) tháng có quyền gộp số quyền biểu quyết của từng người lại với nhau để đề cử các ứng viên Hội Đồng Quản Trị. Cổ Đông hoặc nhóm Cổ Đông nắm giữ từ 5% đến dưới 10% tổng số cổ phần có quyền biểu quyết được đề cử 1 ứng viên; từ 10% đến dưới 30% được đề cử tối đa 2 ứng viên; từ 30% đến dưới 40% được đề cử tối đa 3 ứng viên; từ 40% đến dưới 50% được đề cử tối đa 4 ứng viên; từ 50% đến dưới 60% được đề cử tối đa 5 ứng viên; từ 60% đến dưới 70% được đề cử tối đa 6 ứng viên; từ 70% đến dưới 80% được đề cử tối đa 7 ứng viên; từ 80% trở lên được đề cử đủ số ứng viên.
- 24.4 Trường hợp số lượng các ứng viên Hội Đồng Quản Trị thông qua đề cử và ứng cử vẫn không đủ số lượng cần thiết, Hội Đồng Quản Trị đương nhiệm có thể đề cử thêm ứng cử viên hoặc tổ chức đề cử theo một cơ chế do Công Ty quy định. Cơ chế đề cử hay cách thức Hội Đồng Quản Trị đương nhiệm đề cử ứng cử viên Hội Đồng Quản Trị phải được công bố rõ ràng trước khi Đại Hội Đồng Cổ Đông biểu quyết bầu thành viên Hội Đồng Quản Trị.
- 24.5 Thành viên Hội Đồng Quản Trị sẽ không còn tư cách thành viên Hội Đồng Quản Trị trong các trường hợp sau:
- (a) Thành viên đó không đủ tiêu chuẩn và điều kiện làm thành viên Hội Đồng Quản Trị theo quy định của Luật Doanh Nghiệp, Điều Lệ này hoặc bị luật pháp cấm không được làm thành viên Hội Đồng Quản Trị;
 - (b) Thành viên đó gửi đơn bằng văn bản xin từ chức đến trụ sở chính của Công Ty và được chấp thuận;
 - (c) Thành viên đó bị rối loạn tâm thần và thành viên khác của Hội Đồng Quản Trị có những bằng chứng chuyên môn chứng tỏ người đó không còn năng lực hành vi;
 - (d) Thành viên đó vắng mặt không tham dự các hoạt động của Hội Đồng Quản Trị trong vòng 6 (sáu) tháng liên tục, trừ trường hợp bất khả kháng; hoặc
 - (e) Thành viên đó bị cách chức, bãi nhiệm hoặc miễn nhiệm chức vụ thành viên Hội Đồng Quản Trị theo quyết định của Đại Hội Đồng Cổ Đông.
- 24.6 Hội Đồng Quản Trị có thể bổ nhiệm thành viên Hội Đồng Quản Trị mới để thay thế chỗ trống phát sinh và thành viên mới này phải được chấp thuận tại Đại Hội Đồng Cổ Đông ngay tiếp sau đó được triệu tập theo quy định tại Điều Lệ này. Sau khi được Đại Hội Đồng Cổ Đông chấp thuận, việc bổ nhiệm thành viên mới đó sẽ được coi là có hiệu lực vào ngày được Hội Đồng Quản Trị bổ nhiệm. Nhiệm kỳ của thành viên Hội Đồng Quản Trị mới được tính từ ngày việc bổ nhiệm có hiệu lực đến ngày kết thúc nhiệm kỳ của Hội Đồng Quản Trị. Trong trường hợp thành viên mới không được Đại Hội Đồng Cổ Đông chấp thuận, mọi quyết định của Hội Đồng Quản Trị cho đến trước thời điểm diễn ra Đại Hội Đồng Cổ Đông có sự tham gia biểu quyết của thành viên Hội Đồng Quản Trị thay thế vẫn được coi là có hiệu lực.

- 24.7 Việc bổ nhiệm các thành viên Hội Đồng Quản Trị phải được thông báo theo các quy định của pháp luật về công bố thông tin trên thị trường chứng khoán.
- 24.8 Thành viên Hội Đồng Quản Trị không nhất thiết phải là người nắm giữ cổ phần của Công Ty.
- 24.9 Thành viên Hội Đồng Quản Trị của Công Ty không được đồng thời là thành viên Hội đồng quản trị tại quá 05 (năm) công ty khác.

Điều 25. Quyền hạn và nhiệm vụ của Hội Đồng Quản Trị

- 25.1 Hội Đồng Quản Trị là cơ quan quản lý Công Ty, có toàn quyền nhân danh Công Ty để quyết định, thực hiện các quyền và nghĩa vụ của Công Ty, trừ các quyền và nghĩa vụ thuộc thẩm quyền của Đại Hội Đồng Cổ Đông.
- 25.2 Hội Đồng Quản Trị có trách nhiệm giám sát Tổng Giám Đốc và các Người Quản Lý khác.
- 25.3 Quyền và nghĩa vụ của Hội Đồng Quản Trị do luật pháp, Điều Lệ này, các quy chế nội bộ của Công Ty và quyết định của Đại Hội Đồng Cổ Đông quy định. Cụ thể, Hội Đồng Quản Trị có những quyền hạn và nhiệm vụ sau:
- (a) Quyết định chiến lược, kế hoạch phát triển sản xuất kinh doanh và ngân sách hằng năm;
 - (b) Xác định các mục tiêu hoạt động trên cơ sở các mục tiêu chiến lược được Đại Hội Đồng Cổ Đông thông qua;
 - (c) Bầu, miễn nhiệm, bãi nhiệm Chủ tịch Hội Đồng Quản Trị;
 - (d) Bổ nhiệm, miễn nhiệm, ký hợp đồng, chấm dứt hợp đồng với Tổng Giám Đốc và quyết định lương và lợi ích khác của Tổng Giám Đốc; bổ nhiệm và bãi nhiệm các Người Quản Lý khác của Công Ty theo đề nghị của Tổng Giám Đốc và quyết định mức lương và lợi ích khác của họ;
 - (e) Quyết định cơ cấu tổ chức, quy chế quản lý nội bộ của Công Ty;
 - (f) Giải quyết các khiếu nại của Công Ty đối với Người Quản Lý cũng như quyết định lựa chọn đại diện của Công Ty để giải quyết các vấn đề liên quan tới các thủ tục pháp lý đối với Người Quản Lý đó;
 - (g) Đề xuất các loại cổ phiếu có thể phát hành và tổng số cổ phiếu phát hành theo từng loại;
 - (h) Đề xuất việc phát hành trái phiếu chuyển đổi thành cổ phiếu và các chứng quyền cho phép người sở hữu mua cổ phiếu theo mức giá định trước; quyết định việc phát hành, giá bán các loại trái phiếu và công cụ tài chính khác;
 - (i) Quyết định giá chào bán trái phiếu, cổ phiếu và các chứng khoán khác của Công Ty;

- (j) Đề xuất mức cổ tức hằng năm và xác định mức cổ tức tạm thời; quyết định thời hạn và thủ tục trả cổ tức, tạm ứng cổ tức;
- (k) Đề xuất việc tái cơ cấu lại hoặc giải thể Công Ty.
- (l) Duyệt chương trình, nội dung tài liệu phục vụ họp Đại Hội Đồng Cổ Đông, triệu tập họp Đại Hội Đồng Cổ Đông hoặc lấy ý kiến đề Đại Hội Đồng Cổ Đông thông qua nghị quyết;
- (m) Trình báo cáo tài chính năm đã được kiểm toán, báo cáo quản trị Công Ty lên Đại Hội Đồng Cổ Đông;
- (n) Báo cáo Đại Hội Đồng Cổ Đông việc Hội Đồng Quản Trị bổ nhiệm Tổng Giám Đốc;
- (o) Thành lập chi nhánh hoặc các văn phòng đại diện của Công Ty;
- (p) Thành lập các công ty con của Công Ty;
- (q) Trong phạm vi quy định tại Điều 153.2 của Luật Doanh Nghiệp và trừ trường hợp quy định tại Điều 167.3 của Luật Doanh Nghiệp và Điều 14.2(o) của Điều Lệ này phải do Đại Hội Đồng Cổ Đông phê chuẩn, Hội Đồng Quản Trị tùy từng thời điểm quyết định việc ký kết, thực hiện, sửa đổi và hủy bỏ các hợp đồng lớn của Công Ty (bao gồm nhưng không giới hạn các hợp đồng mua, bán, sáp nhập, thuê công ty và liên doanh);
- (r) Quyết định các hợp đồng mua, bán, vay, cho vay, thực hiện các khoản thế chấp, cầm cố, bảo đảm, bảo lãnh và bồi thường và hợp đồng khác có giá trị bằng hoặc lớn hơn 35% (ba mươi lăm phần trăm) tổng giá trị tài sản được ghi trong báo cáo tài chính hợp nhất đã được kiểm toán gần nhất của Công Ty (các hợp đồng mua, bán, vay, cho vay, thực hiện các khoản thế chấp, cầm cố, bảo đảm, bảo lãnh và bồi thường và hợp đồng khác có giá trị nhỏ hơn 35% (ba mươi lăm phần trăm) tổng giá trị tài sản được ghi trong báo cáo tài chính hợp nhất đã được kiểm toán gần nhất của Công Ty sẽ được quyết định phù hợp với quy chế tài chính của Công Ty). Quy định này không áp dụng đối với các hợp đồng và giao dịch quy định tại Điều 14.2(l) và Điều 14.2(o) của Điều Lệ này;
- (s) Các khoản đầu tư không nằm trong kế hoạch kinh doanh và ngân sách vượt quá 5% (năm phần trăm) Vốn Điều Lệ tại thời điểm tương ứng hoặc các khoản đầu tư vượt quá 10% (mười phần trăm) giá trị kế hoạch và ngân sách kinh doanh hằng năm;
- (t) Việc mua hoặc bán cổ phần hoặc phần vốn góp thuộc sở hữu của Công Ty tại những công ty khác được thành lập ở Việt Nam hay nước ngoài;
- (u) Việc định giá các tài sản góp vào Công Ty không phải bằng tiền, bao gồm vàng, quyền sử dụng đất, quyền sở hữu trí tuệ, công nghệ, bí quyết công nghệ, tài sản khác có thể định giá được bằng Đồng Việt Nam;
- (v) Việc Công Ty mua hoặc thu hồi không quá 10% (mười phần trăm) mỗi loại cổ phần;

- (w) Quyết định mức giá mua lại hoặc thu hồi cổ phần của Công Ty;
 - (x) Các vấn đề kinh doanh hoặc giao dịch mà Hội Đồng Quản Trị quyết định cần phải có sự chấp thuận trong phạm vi quyền hạn và trách nhiệm của mình; và
 - (y) Các quyền hạn và nhiệm vụ khác theo quy định của pháp luật, Điều Lệ này, các quy chế nội bộ của Công Ty và các nghị quyết, quyết định của Đại Hội Đồng Cổ Đông và Hội Đồng Quản Trị.
- 25.4 Hội Đồng Quản Trị phải báo cáo Đại Hội Đồng Cổ Đông về hoạt động của mình, cụ thể là về việc giám sát của Hội Đồng Quản Trị đối với Tổng Giám Đốc và những Người Quản Lý khác trong năm tài chính. Trường hợp Hội Đồng Quản Trị không trình báo cáo tài chính hằng năm cho Đại Hội Đồng Cổ Đông, báo cáo tài chính hằng năm của Công Ty sẽ bị coi là không có giá trị và chưa được Đại Hội Đồng Cổ Đông thông qua.
- 25.5 Trừ khi luật pháp hoặc Điều Lệ này quy định khác, Hội Đồng Quản Trị có thể ủy quyền cho nhân viên cấp dưới và/hoặc các Người Quản Lý đại diện xử lý công việc thay mặt cho Công Ty.
- 25.6 Thành viên Hội Đồng Quản Trị (không tính các đại diện được ủy quyền thay thế) được nhận thù lao cho công việc của mình dưới tư cách là thành viên Hội Đồng Quản Trị. Tổng mức thù lao cho Hội Đồng Quản Trị sẽ do Đại Hội Đồng Cổ Đông quyết định. Khoản thù lao này sẽ được chia cho các thành viên Hội Đồng Quản Trị theo thoả thuận trong Hội Đồng Quản Trị hoặc chia đều trong trường hợp không thoả thuận được.
- 25.7 Tổng số tiền trả thù lao cho các thành viên Hội Đồng Quản Trị bao gồm thù lao, chi phí, hoa hồng, quyền mua cổ phần và các lợi ích khác được hưởng từ Công Ty, công ty con, công ty liên kết của Công Ty và các công ty khác mà thành viên Hội Đồng Quản Trị là đại diện phần vốn góp phải được phải được thể hiện thành mục riêng trong báo cáo tài chính hằng năm của Công Ty.
- 25.8 Thành viên Hội Đồng Quản Trị nắm giữ chức vụ điều hành, hoặc thành viên Hội Đồng Quản Trị làm việc tại các tiểu ban của Hội Đồng Quản Trị, hoặc thực hiện những công việc khác mà theo quan điểm của Hội Đồng Quản Trị là nằm ngoài phạm vi nhiệm vụ thông thường của một thành viên Hội Đồng Quản Trị, có thể được trả thêm tiền thù lao dưới dạng một khoản tiền công trọn gói theo từng lần, lương, hoa hồng, phần trăm lợi nhuận, hoặc dưới hình thức khác theo quyết định của Hội Đồng Quản Trị.
- 25.9 Thành viên Hội Đồng Quản Trị có quyền được thanh toán tất cả các chi phí đi lại, ăn, ở và các khoản chi phí hợp lý khác mà họ đã phải chi trả khi thực hiện trách nhiệm thành viên Hội Đồng Quản Trị của mình, bao gồm cả các chi phí phát sinh trong việc tới tham dự các cuộc họp của Hội Đồng Quản Trị, hoặc các tiểu ban của Hội Đồng Quản Trị hoặc Đại Hội Đồng Cổ Đông.

Điều 26. Chủ tịch, Phó Chủ tịch Hội Đồng Quản Trị

- 26.1 Hội Đồng Quản Trị phải lựa chọn trong số các thành viên Hội Đồng Quản Trị để bầu ra một Chủ tịch và một Phó Chủ tịch.

- 26.2 Chủ tịch Hội Đồng Quản Trị có trách nhiệm triệu tập và chủ tọa cuộc họp Đại Hội Đồng Cổ Đông và các cuộc họp của Hội Đồng Quản Trị, đồng thời có những quyền và trách nhiệm khác quy định tại Điều Lệ này và Luật Doanh Nghiệp. Phó Chủ tịch có các quyền và nghĩa vụ như Chủ tịch trong trường hợp được Chủ tịch ủy quyền nhưng chỉ trong trường hợp Chủ tịch đã thông báo cho Hội Đồng Quản Trị rằng mình vắng mặt hoặc phải vắng mặt vì những lý do bất khả kháng hoặc mất khả năng thực hiện nhiệm vụ của mình. Trong trường hợp nêu trên, nếu Chủ tịch không chỉ định Phó Chủ tịch hành động như vậy thì các thành viên còn lại của Hội Đồng Quản Trị sẽ chỉ định Phó Chủ tịch. Trường hợp cả Chủ tịch và Phó Chủ tịch tạm thời không thể thực hiện nhiệm vụ của họ vì lý do nào đó, Hội Đồng Quản Trị có thể bổ nhiệm một người khác trong số họ để thực hiện nhiệm vụ của Chủ tịch theo nguyên tắc đa số quá bán.
- 26.3 Trường hợp Chủ tịch Hội Đồng Quản Trị vắng mặt hoặc không thể thực hiện được nhiệm vụ của mình thì ủy quyền bằng văn bản cho một thành viên Hội Đồng Quản Trị khác thực hiện các quyền và nghĩa vụ của Chủ tịch Hội Đồng Quản Trị theo nguyên tắc quy định tại Điều Lệ này. Trường hợp không có thành viên được ủy quyền thì các thành viên Hội Đồng Quản Trị còn lại bầu một người trong số các thành viên tạm thời giữ chức Chủ tịch Hội Đồng Quản Trị theo nguyên tắc đa số thành viên còn lại tán thành cho đến khi có quyết định mới của Hội Đồng Quản Trị.
- 26.4 Chủ tịch Hội Đồng Quản Trị phải có trách nhiệm đảm bảo việc Hội Đồng Quản Trị gửi báo cáo tài chính hằng năm, báo cáo hoạt động của Công Ty, báo cáo kiểm toán và báo cáo kiểm tra của Hội Đồng Quản Trị cho các Cổ Đông tại Đại Hội Đồng Cổ Đông.
- 26.5 Trường hợp cả Chủ tịch và Phó Chủ tịch Hội Đồng Quản Trị có đơn từ chức hoặc bị miễn nhiệm hoặc bãi nhiệm, Hội Đồng Quản Trị phải bầu người thay thế trong thời hạn 30 (ba mươi) ngày kể từ ngày cả Chủ tịch và Phó Chủ tịch Hội Đồng Quản Trị có đơn từ chức hoặc bị miễn nhiệm hoặc bãi nhiệm.

Điều 27. Thành viên Hội Đồng Quản Trị thay thế

- 27.1 Thành viên Hội Đồng Quản Trị (không phải người được ủy nhiệm thay thế cho thành viên đó) có thể chỉ định một thành viên Hội Đồng Quản Trị khác, hoặc một người được Hội Đồng Quản Trị phê chuẩn và sẵn sàng thực hiện nhiệm vụ này, làm người thay thế cho mình và có quyền bãi miễn người thay thế đó.
- 27.2 Thành viên Hội Đồng Quản Trị thay thế có quyền được nhận thông báo về các cuộc họp của Hội Đồng Quản Trị và của các tiểu ban thuộc Hội Đồng Quản Trị mà người chỉ định anh ta là thành viên, có quyền tham gia và biểu quyết tại các cuộc họp khi thành viên Hội Đồng Quản Trị chỉ định anh ta không có mặt, và được ủy quyền để thực hiện tất cả các chức năng của người chỉ định như là thành viên của Hội Đồng Quản Trị trong trường hợp người chỉ định vắng mặt. Thành viên thay thế này không có quyền nhận bất kỳ khoản thù lao nào từ phía Công Ty cho công việc của mình dưới tư cách là thành viên Hội Đồng Quản Trị thay thế. Tuy nhiên, Công Ty không bắt buộc phải gửi thông báo về các cuộc họp nói trên cho thành viên Hội Đồng Quản Trị thay thế không có mặt tại Việt Nam.
- 27.3 Thành viên thay thế sẽ phải từ bỏ tư cách thành viên Hội Đồng Quản Trị trong trường hợp người chỉ định anh ta không còn tư cách thành viên Hội Đồng Quản Trị. Trường hợp một thành viên Hội Đồng Quản Trị hết nhiệm kỳ nhưng lại được tái bổ nhiệm hoặc được coi là đã được tái bổ nhiệm trong cùng Đại Hội Đồng Cổ Đông mà thành viên đó thôi giữ chức do hết nhiệm kỳ thì việc chỉ định thành viên thay thế do người này thực hiện ngay trước

thời điểm hết nhiệm kỳ sẽ tiếp tục có hiệu lực sau khi thành viên đó được tái bổ nhiệm.

- 27.4 Việc chỉ định hoặc bãi nhiệm thành viên thay thế phải được thành viên Hội Đồng Quản Trị chỉ định hoặc bãi nhiệm người thay thế làm bằng văn bản thông báo và ký gửi cho Công Ty hoặc theo hình thức khác do Hội Đồng Quản Trị phê chuẩn.
- 27.5 Ngoài những quy định khác đã được nêu trong Điều Lệ này, thành viên thay thế sẽ được coi như là thành viên Hội Đồng Quản Trị trên mọi phương diện và phải chịu trách nhiệm cá nhân về hành vi và sai lầm của mình mà không được coi là người đại diện thừa hành sự ủy quyền của thành viên Hội Đồng Quản Trị đã chỉ định mình.

Điều 28. Các cuộc họp của Hội Đồng Quản Trị

- 28.1 Họp bầu Chủ tịch Hội Đồng Quản Trị. Trường hợp Hội Đồng Quản Trị bầu Chủ tịch thì cuộc họp đầu tiên của nhiệm kỳ Hội Đồng Quản Trị để bầu Chủ tịch và ra các quyết định khác thuộc thẩm quyền phải được tiến hành trong thời hạn 7 (bảy) ngày làm việc, kể từ ngày kết thúc bầu cử Hội Đồng Quản Trị nhiệm kỳ đó. Cuộc họp này do thành viên có số phiếu bầu cao nhất triệu tập. Trường hợp có nhiều hơn một thành viên có số phiếu bầu cao nhất và ngang nhau thì các thành viên này bầu một người trong số họ triệu tập họp Hội Đồng Quản Trị theo nguyên tắc đa số quá bán.
- 28.2 Các cuộc họp thường kỳ. Chủ tịch Hội Đồng Quản Trị phải triệu tập các cuộc họp Hội Đồng Quản Trị, lập chương trình nghị sự, thời gian và địa điểm họp ít nhất 7 (bảy) ngày trước ngày họp dự kiến. Chủ tịch có thể triệu tập họp bất kỳ khi nào thấy cần thiết, nhưng ít nhất là mỗi quý phải họp một lần.
- 28.3 Các cuộc họp bất thường. Chủ tịch Hội Đồng Quản Trị triệu tập các cuộc họp bất thường khi thấy cần thiết vì lợi ích của Công Ty. Chủ tịch phải triệu tập họp Hội Đồng Quản Trị, không được trì hoãn nếu không có lý do chính đáng, khi một trong số các đối tượng dưới đây đề nghị bằng văn bản trình bày mục đích cuộc họp và các vấn đề cần bàn:
- (a) Tổng Giám Đốc hoặc ít nhất 05 (năm) Người Quản Lý khác;
 - (b) Ít nhất 02 (hai) thành viên Hội Đồng Quản Trị;
 - (c) Chủ tịch Hội Đồng Quản Trị;
 - (d) Ban Kiểm Soát; hoặc
 - (e) Thành viên độc lập Hội Đồng Quản Trị.
- 28.4 Các cuộc họp Hội Đồng Quản Trị nêu tại Điều 28.3 của Điều Lệ này phải được tiến hành trong thời hạn 7 (bảy) ngày làm việc sau khi có đề xuất họp. Trường hợp Chủ tịch Hội Đồng Quản Trị không chấp nhận triệu tập họp theo đề nghị thì Chủ tịch phải chịu trách nhiệm về những thiệt hại xảy ra đối với Công Ty; và trong trường hợp đó, những người đề nghị tổ chức cuộc họp được đề cập đến ở Điều 28.3 của Điều Lệ này có thể tự mình triệu tập họp Hội Đồng Quản Trị.
- 28.5 Địa điểm họp. Các cuộc họp Hội Đồng Quản Trị sẽ được tiến hành ở địa chỉ đã đăng ký của Công Ty hoặc những địa chỉ khác ở Việt Nam hoặc ở nước ngoài theo quyết định của Chủ tịch Hội Đồng Quản Trị.

- 28.6 Thông báo và chương trình họp. Thông báo mời họp Hội Đồng Quản Trị phải được gửi trước cho các thành viên Hội Đồng Quản Trị ít nhất 3 (ba) ngày làm việc trước ngày họp. Thông báo mời họp Hội Đồng Quản Trị phải được làm bằng văn bản tiếng Việt và phải thông báo đầy đủ thời gian và địa điểm họp, chương trình, các vấn đề thảo luận và quyết định. Kèm theo thông báo mời họp phải có các tài liệu cần thiết về những vấn đề sẽ được bàn bạc và biểu quyết tại cuộc họp Hội Đồng Quản Trị.

Thông báo mời họp có thể được gửi bằng giấy mời, điện thoại, fax, thư điện tử hoặc phương tiện khác, nhưng phải bảo đảm đến được địa chỉ của từng thành viên Hội Đồng Quản Trị được đăng ký tại Công Ty.

Chủ tịch Hội Đồng Quản Trị hoặc người triệu tập gửi thông báo mời họp và các tài liệu kèm theo đến các thành viên Ban Kiểm Soát như đối với các thành viên Hội Đồng Quản Trị. Thành viên Ban Kiểm Soát có quyền dự các cuộc họp của Hội Đồng Quản Trị; có quyền thảo luận nhưng không được biểu quyết.

- 28.7 Số thành viên tham dự tối thiểu. Các cuộc họp của Hội Đồng Quản Trị chỉ được tiến hành khi có ít nhất ba phần tư (3/4) tổng số thành viên Hội Đồng Quản Trị có mặt trực tiếp hoặc thông qua người đại diện thay thế dự họp. Trường hợp không đủ số thành viên dự họp theo quy định, cuộc họp phải được triệu tập lại trong thời hạn 7 (bảy) ngày kể từ ngày dự định họp lần thứ nhất. Cuộc họp triệu tập lại được tiến hành nếu có hơn một nửa số thành viên Hội Đồng Quản Trị có mặt trực tiếp hoặc thông qua người đại diện thay thế dự họp.

- 28.8 Biểu quyết:

- (a) Trừ trường hợp quy định tại Điều 28.8(b) của Điều Lệ này, mỗi thành viên Hội Đồng Quản Trị hoặc người được ủy quyền dự họp Hội Đồng Quản Trị sẽ có một phiếu biểu quyết.
- (b) Thành viên Hội Đồng Quản Trị không được biểu quyết về các hợp đồng hoặc giao dịch giữa Công Ty với thành viên đó hoặc Người Có Liên Quan tới thành viên đó nếu thành viên đó có lợi ích liên quan đến các bên trong hợp đồng hoặc giao dịch đó. Một thành viên Hội Đồng Quản Trị sẽ không được tính vào số lượng đại biểu tối thiểu cần thiết có mặt để có thể tổ chức một cuộc họp Hội Đồng Quản Trị về những quyết định mà thành viên đó không có quyền biểu quyết.
- (c) Khi có vấn đề phát sinh trong một cuộc họp của Hội Đồng Quản Trị liên quan đến mức độ lợi ích của thành viên Hội Đồng Quản Trị hoặc liên quan đến quyền biểu quyết một thành viên mà những vấn đề đó không được giải quyết bằng sự tự nguyện từ bỏ quyền biểu quyết của thành viên Hội Đồng Quản Trị đó, những vấn đề phát sinh đó sẽ được chuyển tới chủ tọa cuộc họp và phán quyết của chủ tọa liên quan đến tất cả các thành viên Hội Đồng Quản Trị khác sẽ có giá trị là quyết định cuối cùng, trừ trường hợp tính chất hoặc phạm vi lợi ích của thành viên Hội Đồng Quản Trị liên quan chưa được công bố một cách thích đáng.

- 28.9 Công khai lợi ích. Thành viên Hội Đồng Quản Trị trực tiếp hoặc gián tiếp được hưởng lợi từ một hợp đồng hoặc giao dịch đã được ký kết hoặc đang dự kiến ký kết với Công Ty và biết là mình có lợi ích trong đó, sẽ phải công khai bản chất, nội dung của quyền lợi đó trong cuộc họp mà Hội Đồng Quản Trị lần đầu tiên xem xét vấn đề ký kết hợp đồng hoặc giao dịch này. Hoặc thành viên này có thể công khai điều đó tại cuộc họp đầu tiên của Hội

Đồng Quản Trị được tổ chức sau khi thành viên này biết rằng mình có lợi ích hoặc sẽ có lợi ích trong giao dịch hoặc hợp đồng liên quan.

28.10 Thành viên Hội Đồng Quản Trị được coi là tham dự và biểu quyết tại cuộc họp Hội Đồng Quản Trị trong trường hợp sau đây:

- (a) Tham dự và biểu quyết trực tiếp tại cuộc họp;
- (b) Ủy quyền cho người khác dự họp và biểu quyết theo quy định tại Điều Lệ này;
- (c) Tham dự và biểu quyết thông qua hội nghị trực tuyến, bỏ phiếu điện tử, họp điện thoại, hoặc hình thức tương tự khác; hoặc
- (d) Gửi phiếu biểu quyết đến cuộc họp thông qua thư, fax, thư điện tử.

Trường hợp gửi phiếu biểu quyết đến cuộc họp thông qua thư, phiếu biểu quyết phải đựng trong phong bì dán kín và phải được chuyển đến Chủ tịch Hội Đồng Quản Trị chậm nhất là 01 (một) giờ trước khi khai mạc. Phiếu biểu quyết chỉ được mở trước sự chứng kiến của tất cả những người dự họp.

28.11 Hợp trên điện thoại hoặc các hình thức khác. Cuộc họp của Hội Đồng Quản Trị có thể tổ chức theo hình thức nghị sự giữa các thành viên của Hội Đồng Quản Trị khi tất cả hoặc một số thành viên đang ở những địa điểm khác nhau với điều kiện là mỗi thành viên tham gia họp đều có thể:

- (a) Nghe từng thành viên Hội Đồng Quản Trị khác cùng tham gia phát biểu trong cuộc họp; và
- (b) Nếu muốn, người đó có thể phát biểu với tất cả các thành viên tham dự khác một cách đồng thời.

Việc trao đổi giữa các thành viên có thể thực hiện một cách trực tiếp qua điện thoại hoặc bằng phương tiện liên lạc thông tin khác (kể cả việc sử dụng phương tiện này diễn ra vào thời điểm thông qua Điều Lệ hay sau này) hoặc là kết hợp tất cả những phương thức này. Theo Điều Lệ này, thành viên Hội Đồng Quản Trị tham gia cuộc họp như vậy được coi là “có mặt” tại cuộc họp đó. Địa điểm cuộc họp được tổ chức theo quy định này là địa điểm mà nhóm thành viên Hội Đồng Quản Trị đồng nhất tập họp lại, hoặc nếu không có một nhóm như vậy, là địa điểm mà chủ tọa cuộc họp hiện diện.

Các quyết định được thông qua trong một cuộc họp qua điện thoại được tổ chức và tiến hành một cách hợp thức sẽ có hiệu lực ngay khi kết thúc cuộc họp nhưng phải được khẳng định bằng các chữ ký trong biên bản của tất cả thành viên Hội Đồng Quản Trị tham dự cuộc họp này.

28.12 Biểu quyết đa số. Trừ trường hợp Điều Lệ này có quy định khác, Hội Đồng Quản Trị thông qua các nghị quyết và ra quyết định bằng cách tuân theo ý kiến tán thành của đa số thành viên Hội Đồng Quản Trị dự họp (trên 50% (năm mươi phần trăm)). Trường hợp số phiếu tán thành và phản đối ngang bằng nhau, lá phiếu của Chủ tịch Hội Đồng Quản Trị sẽ là lá phiếu quyết định.

- 28.13 Trừ trường hợp Điều Lệ này có quy định khác, nghị quyết của Hội Đồng Quản Trị theo hình thức lấy ý kiến bằng văn bản được thông qua trên cơ sở ý kiến tán thành của đa số thành viên Hội Đồng Quản Trị có quyền biểu quyết. Nghị quyết này có hiệu lực và giá trị như nghị quyết được các thành viên Hội Đồng Quản Trị thông qua tại cuộc họp được triệu tập và tổ chức theo thông lệ.
- 28.14 Biên bản họp Hội Đồng Quản Trị. Chủ tịch Hội Đồng Quản Trị có trách nhiệm chuyển biên bản họp Hội Đồng Quản Trị cho các thành viên và những biên bản đó sẽ phải được xem như những bằng chứng xác thực về công việc đã được tiến hành trong các cuộc họp đó trừ khi có ý kiến phản đối về nội dung biên bản trong thời hạn 10 (mười) ngày kể từ khi chuyển đi. Biên bản họp Hội Đồng Quản Trị được lập bằng tiếng Việt và phải có chữ ký của chủ tọa và người ghi biên bản hoặc chữ ký của tất cả các thành viên khác của Hội Đồng Quản Trị tham dự cuộc họp (trong trường hợp này, biên bản họp có thể được lập thành nhiều bản và mỗi biên bản họp có chữ ký của ít nhất một thành viên khác của Hội Đồng Quản Trị tham gia cuộc họp).
- 28.15 Các tiểu ban của Hội Đồng Quản Trị. Hội Đồng Quản Trị có thể thành lập và ủy quyền hành động cho các tiểu ban trực thuộc. Thành viên của tiểu ban có thể gồm một hoặc nhiều thành viên của Hội Đồng Quản Trị và một hoặc nhiều thành viên bên ngoài theo quyết định của Hội Đồng Quản Trị. Trong quá trình thực hiện quyền hạn được ủy thác, các tiểu ban phải tuân thủ các quy định mà Hội Đồng Quản Trị đề ra. Các quy định này có thể điều chỉnh hoặc cho phép kết nạp thêm những người không phải là thành viên Hội Đồng Quản Trị vào các tiểu ban nêu trên và cho phép người đó được quyền biểu quyết với tư cách thành viên của tiểu ban.
- 28.16 Giá trị pháp lý của hành động. Các hành động thực thi quyết định của Hội Đồng Quản Trị, hoặc của tiểu ban trực thuộc Hội Đồng Quản Trị, hoặc của người có tư cách thành viên tiểu ban Hội Đồng Quản Trị sẽ được coi là có giá trị pháp lý kể cả trong trường hợp việc bầu, chỉ định thành viên của tiểu ban hoặc Hội Đồng Quản Trị có thể có sai sót. ☺

VIII. TỔNG GIÁM ĐỐC ĐIỀU HÀNH, NGƯỜI QUẢN LÝ KHÁC, NGƯỜI PHỤ TRÁCH QUẢN TRỊ CÔNG TY

Điều 29. Tổ chức bộ máy quản lý

Công Ty sẽ ban hành một hệ thống quản lý mà theo đó bộ máy quản lý sẽ chịu trách nhiệm và nằm dưới sự lãnh đạo của Hội Đồng Quản Trị. Công Ty có một Tổng Giám Đốc, Phó Tổng Giám Đốc hoặc một số giám đốc các lĩnh vực và một Kế Toán Trưởng do Hội Đồng Quản Trị bổ nhiệm. Tổng Giám Đốc, Phó Tổng Giám Đốc và các giám đốc lĩnh vực có thể đồng thời là thành viên Hội Đồng Quản Trị, và được Hội Đồng Quản Trị bổ nhiệm, miễn nhiệm hoặc bãi nhiệm bằng một nghị quyết được thông qua một cách hợp thức.

Điều 30. Người Quản Lý

30.1 Theo đề nghị của Tổng Giám Đốc và được sự chấp thuận của Hội Đồng Quản Trị, Công Ty được sử dụng số lượng và loại Người Quản Lý cần thiết hoặc phù hợp với cơ cấu và thông lệ quản lý Công Ty do Hội Đồng Quản Trị đề xuất tùy từng thời điểm. Người Quản Lý phải có sự mẫn cán cần thiết để các hoạt động và tổ chức của Công Ty đạt được các mục tiêu đề ra.

- 30.2 Mức lương, tiền thù lao, lợi ích và các điều khoản khác trong hợp đồng lao động đối với Tổng Giám Đốc sẽ do Hội Đồng Quản Trị quyết định và hợp đồng với những Người Quản Lý khác sẽ do Hội Đồng Quản Trị quyết định sau khi tham khảo ý kiến của Tổng Giám Đốc.

Điều 31. Bổ nhiệm, miễn nhiệm, nhiệm vụ và quyền hạn của Tổng Giám Đốc

- 31.1 Bổ nhiệm. Hội Đồng Quản Trị sẽ bổ nhiệm một thành viên trong Hội Đồng Quản Trị hoặc thuê một người khác làm Tổng Giám Đốc và sẽ ký hợp đồng quy định mức lương, thù lao, lợi ích và các điều khoản khác liên quan đến việc tuyển dụng. Thông tin về mức lương, trợ cấp, quyền lợi của Tổng Giám Đốc phải được báo cáo trong Đại Hội Đồng Cổ Đông thường niên và được nêu trong báo cáo báo cáo tài chính hằng năm của Công Ty.
- 31.2 Nhiệm kỳ của Tổng Giám Đốc không quá 05 (năm) năm, trừ khi Hội Đồng Quản Trị có quyết định khác và có thể được tái bổ nhiệm. Việc bổ nhiệm có thể hết hiệu lực căn cứ vào các quy định tại hợp đồng lao động. Tổng Giám Đốc không phải là người mà pháp luật cấm giữ chức vụ này và phải đáp ứng các tiêu chuẩn, điều kiện theo quy định của pháp luật và Điều Lệ này.
- 31.3 Quyền hạn và nhiệm vụ. Tổng Giám Đốc có những quyền hạn và trách nhiệm sau:
- (a) Thực hiện các nghị quyết, quyết định của Hội Đồng Quản Trị và Đại Hội Đồng Cổ Đông, kế hoạch kinh doanh và kế hoạch đầu tư của Công Ty đã được Hội Đồng Quản Trị và Đại Hội Đồng Cổ Đông thông qua;
 - (b) Quyết định tất cả các vấn đề không cần phải có nghị quyết, quyết định của Hội Đồng Quản Trị, bao gồm việc thay mặt Công Ty ký kết các hợp đồng tài chính và thương mại, tổ chức và điều hành hoạt động sản xuất kinh doanh thường nhật của Công Ty theo những thông lệ quản lý tốt nhất;
 - (c) Kiến nghị số lượng và các loại Người Quản Lý mà Công Ty cần thuê để Hội Đồng Quản Trị bổ nhiệm hoặc miễn nhiệm khi cần thiết nhằm áp dụng các hoạt động cũng như các cơ cấu quản lý tốt do Hội Đồng Quản Trị đề xuất, và tư vấn để Hội Đồng Quản Trị quyết định mức lương, thù lao, các lợi ích và các điều khoản khác của hợp đồng lao động của Người Quản Lý;
 - (d) Tham khảo ý kiến của Hội Đồng Quản Trị để quyết định số lượng người lao động, mức lương, trợ cấp, lợi ích, việc bổ nhiệm, miễn nhiệm và các điều khoản khác liên quan đến hợp đồng lao động của họ;
 - (e) Trình Hội Đồng Quản Trị phê chuẩn kế hoạch kinh doanh chi tiết cho năm tài chính tiếp theo trên cơ sở đáp ứng các yêu cầu của ngân sách phù hợp cũng như kế hoạch tài chính năm năm;
 - (f) Thực thi kế hoạch kinh doanh hằng năm được Đại Hội Đồng Cổ Đông và Hội Đồng Quản Trị thông qua;
 - (g) Đề xuất những biện pháp nâng cao hoạt động và quản lý của Công Ty;
 - (h) Chuẩn bị các bản dự toán dài hạn, hằng năm và hằng tháng của Công Ty (sau đây gọi là bản dự toán) phục vụ hoạt động quản lý dài hạn, hằng năm và hằng tháng

của Công Ty theo kế hoạch kinh doanh. Bản dự toán hằng năm (bao gồm cả bản cân đối kế toán, báo cáo hoạt động sản xuất kinh doanh và báo cáo lưu chuyển tiền tệ dự kiến) cho từng năm tài chính sẽ phải được trình để Hội Đồng Quản Trị thông qua và phải bao gồm những thông tin quy định tại các quy chế của Công Ty;

- (i) Cử, miễn nhiệm hoặc bãi nhiệm người đại diện theo ủy quyền thực hiện quyền sở hữu cổ phần hoặc phần vốn góp của Công Ty tại công ty khác; và
- (j) Thực hiện tất cả các hoạt động khác theo quy định của Điều Lệ này và các quy chế của Công Ty, các nghị quyết và quyết định của Đại Hội Đồng Cổ Đông/Hội Đồng Quản Trị, hợp đồng lao động của Tổng Giám Đốc và quy định của pháp luật.

31.4 Báo cáo lên Hội Đồng Quản Trị và các Cổ Đông. Tổng Giám Đốc chịu trách nhiệm trước Hội Đồng Quản Trị và Đại Hội Đồng Cổ Đông về việc thực hiện nhiệm vụ và quyền hạn được giao và phải báo cáo các cơ quan này khi được yêu cầu.

31.5 Bãi nhiệm: Hội Đồng Quản Trị có thể bãi nhiệm Tổng Giám Đốc khi có từ hai phần ba (2/3) thành viên Hội Đồng Quản Trị trở lên biểu quyết tán thành (trong trường hợp này không tính biểu quyết của Tổng Giám Đốc) và bổ nhiệm một Tổng Giám Đốc mới thay thế. Tổng Giám Đốc bị bãi nhiệm có quyền phản đối việc bãi nhiệm này tại Đại Hội Đồng Cổ Đông tiếp theo gần nhất.

Điều 32. Người phụ trách quản trị Công Ty

32.1 Hội Đồng Quản Trị phải bổ nhiệm ít nhất 01 (một) người làm người phụ trách quản trị Công Ty để hỗ trợ công tác quản trị tại Công Ty.

32.2 Người phụ trách quản trị Công Ty phải đáp ứng các tiêu chuẩn sau:

- (a) Có hiểu biết về pháp luật;
- (b) Không được đồng thời làm việc cho công ty kiểm toán được chấp thuận đang thực hiện kiểm toán các báo cáo tài chính của Công Ty; và
- (c) Các tiêu chuẩn khác theo quy định của pháp luật, Điều Lệ này và quyết định của Hội Đồng Quản Trị.

32.3 Hội Đồng Quản Trị có thể bãi nhiệm người phụ trách quản trị Công Ty khi cần nhưng không trái với các quy định pháp luật hiện hành về lao động. Hội Đồng Quản Trị có thể bổ nhiệm trợ lý người phụ trách quản trị Công Ty tùy từng thời điểm.

32.4 Người phụ trách quản trị Công Ty có các quyền và nghĩa vụ sau:

- (a) Tư vấn Hội Đồng Quản Trị trong việc tổ chức họp Đại Hội Đồng Cổ Đông theo quy định và các công việc liên quan giữa Công Ty và Cổ Đông;
- (b) Chuẩn bị các cuộc họp Hội Đồng Quản Trị, Ban Kiểm Soát và Đại Hội Đồng Cổ Đông theo yêu cầu của Hội Đồng Quản Trị hoặc Ban Kiểm Soát;
- (c) Tư vấn về thủ tục của các cuộc họp;

- (d) Tham dự các cuộc họp;
- (e) Tư vấn thủ tục lập các nghị quyết của Hội Đồng Quản Trị phù hợp với quy định của pháp luật;
- (f) Cung cấp các thông tin tài chính, bản sao biên bản họp Hội Đồng Quản Trị và các thông tin khác cho thành viên của Hội Đồng Quản Trị và Ban Kiểm Soát;
- (g) Giám sát và báo cáo Hội Đồng Quản Trị về hoạt động công bố thông tin của Công Ty;
- (h) Bảo mật thông tin theo các quy định của pháp luật và Điều Lệ này; và
- (i) Các quyền và nghĩa vụ khác theo quy định của pháp luật và Điều Lệ này.

IX. NHIỆM VỤ ĐƯỢC ỦY THÁC CỦA THÀNH VIÊN HỘI ĐỒNG QUẢN TRỊ, TỔNG GIÁM ĐỐC VÀ NGƯỜI QUẢN LÝ

Điều 33. Trách nhiệm căn trọng của Thành viên Hội Đồng Quản Trị, Tổng Giám Đốc và Người Quản Lý

Thành viên Hội Đồng Quản Trị, Tổng Giám Đốc và Người Quản Lý có trách nhiệm thực hiện các nhiệm vụ của mình, kể cả những nhiệm vụ với tư cách thành viên các tiêu ban của Hội Đồng Quản Trị, một cách trung thực và theo phương thức mà họ tin là vì lợi ích cao nhất của Công Ty và với một mức độ căn trọng mà một người thận trọng thường có khi đảm nhiệm vị trí tương đương và trong hoàn cảnh tương tự.

Điều 34. Trách nhiệm trung thực và tránh các xung đột về quyền lợi

- 34.1 Thành viên Hội Đồng Quản Trị, Tổng Giám Đốc và Người Quản Lý không được phép sử dụng những cơ hội kinh doanh có thể mang lại lợi ích cho Công Ty vì mục đích cá nhân; đồng thời không được sử dụng những thông tin có được nhờ chức vụ của mình để tư lợi cá nhân hay để phục vụ lợi ích của tổ chức hoặc cá nhân khác.
- 34.2 Thành viên Hội Đồng Quản Trị, Tổng Giám Đốc và Người Quản Lý có nghĩa vụ thông báo cho Hội Đồng Quản Trị tất cả các lợi ích có thể gây xung đột với lợi ích của Công Ty mà họ có thể được hưởng thông qua các pháp nhân kinh tế, các giao dịch hoặc cá nhân khác. Những đối tượng nêu trên chỉ được sử dụng những cơ hội đó khi các thành viên Hội Đồng Quản Trị không có lợi ích liên quan đã quyết định không truy cứu vấn đề này.
- 34.3 Công Ty không được phép cấp các khoản vay, bảo lãnh, hoặc tín dụng cho các thành viên Hội Đồng Quản Trị, Tổng Giám Đốc, Người Quản Lý và gia đình của họ hoặc pháp nhân mà những người này có các lợi ích tài chính, trừ khi Đại Hội Đồng Cổ Đông có quyết định khác hoặc pháp luật có quy định khác.
- 34.4 Hợp đồng hoặc giao dịch giữa Công Ty với một hoặc nhiều thành viên Hội Đồng Quản Trị, Tổng Giám Đốc, Người Quản Lý, hoặc những Người Có Liên Quan đến họ hoặc công ty, đối tác, hiệp hội, hoặc tổ chức mà một hoặc nhiều thành viên Hội Đồng Quản Trị, Người Quản Lý hoặc những Người Có Liên Quan đến họ là thành viên, hoặc có liên quan lợi ích tài chính, sẽ không bị vô hiệu hoá vì những mối quan hệ vừa nêu, hoặc vì thành viên Hội Đồng Quản Trị đó hoặc Người Quản Lý đó có mặt hoặc tham gia vào cuộc họp

liên quan hoặc vào Hội Đồng Quản Trị hay tiểu ban đã cho phép thực hiện hợp đồng hoặc giao dịch, hoặc vì những phiếu bầu của họ cũng được tính khi biểu quyết về mục đích đó, nếu:

- (a) Đối với hợp đồng phải có được chấp thuận của Hội Đồng Quản Trị theo quy định của pháp luật và Điều Lệ này, những yếu tố quan trọng về hợp đồng hoặc giao dịch cũng như các mối quan hệ và lợi ích của Người Quản Lý hoặc thành viên Hội Đồng Quản Trị đã được báo cáo cho Hội Đồng Quản Trị hoặc tiểu ban liên quan. Đồng thời, Hội Đồng Quản Trị hoặc tiểu ban đó đã cho phép thực hiện hợp đồng hoặc giao dịch đó một cách trung thực bằng đa số phiếu tán thành của những thành viên Hội Đồng Quản Trị không có lợi ích liên quan; hoặc
- (b) Đối với những hợp đồng phải có được chấp thuận của Đại Hội Đồng Cổ Đông theo quy định của pháp luật và Điều Lệ này, những yếu tố quan trọng về hợp đồng hoặc giao dịch này cũng như mối quan hệ và lợi ích của Người Quản Lý hoặc thành viên Hội Đồng Quản Trị đã được công bố cho các Cổ Đông không có lợi ích liên quan có quyền biểu quyết về vấn đề đó, và những Cổ Đông đó đã bỏ phiếu tán thành hợp đồng hoặc giao dịch này;
- (c) Hợp đồng hoặc giao dịch đó được một tổ chức tư vấn độc lập cho là công bằng và hợp lý xét trên mọi phương diện liên quan đến các Cổ Đông của Công Ty vào thời điểm giao dịch hoặc hợp đồng này được Hội Đồng Quản Trị hoặc một tiểu ban trực thuộc Hội Đồng Quản Trị hay các Cổ Đông cho phép thực hiện, thông qua hoặc phê chuẩn.

34.5 Thành viên Hội Đồng Quản Trị, Tổng Giám Đốc, Người Quản Lý hay Người Có Liên Quan của họ không được phép mua hay bán hoặc giao dịch theo bất cứ hình thức nào khác các cổ phiếu của Công Ty hoặc công ty con của Công Ty vào thời điểm họ có được những thông tin chắc chắn sẽ gây ảnh hưởng đến giá của những cổ phiếu đó và các Cổ Đông khác lại không biết những thông tin này.

Điều 35. Trách nhiệm về thiệt hại và bồi thường

35.1 Trách nhiệm về thiệt hại: Thành viên Hội Đồng Quản Trị, Tổng Giám Đốc và Người Quản Lý vi phạm nghĩa vụ hành động một cách trung thực, không hoàn thành nghĩa vụ của mình với sự cẩn trọng, mẫn cán và năng lực chuyên môn sẽ phải chịu trách nhiệm về những thiệt hại do hành vi vi phạm của mình gây ra.

35.2 Bồi thường: Công Ty sẽ bồi thường cho những người đã, đang và có nguy cơ trở thành một bên liên quan trong các vụ khiếu nại, khiếu kiện, khởi tố đã, đang hoặc có thể sẽ được tiến hành cho dù đây là vụ việc dân sự, hành chính (mà không phải là việc kiện tụng do Công Ty thực hiện hay thuộc quyền khởi xướng của Công Ty) nếu người đó đã hoặc đang là thành viên Hội Đồng Quản Trị, Người Quản Lý, nhân viên hoặc là đại diện được Công Ty (hay công ty con của Công Ty) ủy quyền, hoặc người đó đã hoặc đang làm theo yêu cầu của Công Ty (hay công ty con của Công Ty) với tư cách thành viên Hội Đồng Quản Trị, Người Quản Lý, nhân viên hoặc đại diện được ủy quyền của một công ty, đối tác, liên doanh, tin thác hoặc pháp nhân khác. Những chi phí được bồi thường bao gồm: các chi phí phát sinh (kể cả phí thuê luật sư), chi phí phán quyết, các khoản tiền phạt, các khoản phải thanh toán phát sinh trong thực tế hoặc được coi là mức hợp lý khi giải quyết những vụ việc này trong khuôn khổ luật pháp cho phép, với điều kiện là người đó đã hành động trung thực, cẩn trọng, mẫn cán và với năng lực chuyên môn theo phương thức mà người đó tin

tưởng rằng đó là vì lợi ích hoặc không chống lại lợi ích cao nhất của Công Ty, trên cơ sở tuân thủ luật pháp và không có sự phát hiện hay xác nhận nào rằng người đó đã vi phạm những trách nhiệm của mình. Công Ty có quyền mua bảo hiểm cho những người đó để tránh những trách nhiệm bồi thường nêu trên.

X. BAN KIỂM SOÁT

Điều 36. Thành viên Ban Kiểm Soát

- 36.1 Số lượng thành viên Ban Kiểm Soát phải có từ 03 (ba) đến 05 (năm) thành viên.
- 36.2 Thành viên Ban Kiểm Soát phải đáp ứng các tiêu chuẩn và điều kiện theo quy định tại Điều 169 của Luật Doanh Nghiệp và không thuộc các trường hợp sau đây:
- (a) Làm việc trong bộ phận kế toán, tài chính của Công Ty; và
 - (b) Là thành viên hay nhân viên của công ty kiểm toán độc lập thực hiện kiểm toán các báo cáo tài chính của Công Ty trong 03 (ba) năm liền trước đó.
- 36.3 Ban Kiểm Soát phải có hơn một nửa số thành viên thường trú ở Việt Nam. Ban Kiểm Soát phải bầu một trong số các thành viên Ban Kiểm Soát làm Trưởng Ban Kiểm Soát theo nguyên tắc đa số. Trưởng Ban Kiểm Soát phải có bằng tốt nghiệp đại học trở lên thuộc một trong các chuyên ngành kinh tế, tài chính, kế toán, kiểm toán, luật, quản trị kinh doanh hoặc chuyên ngành có liên quan đến hoạt động kinh doanh của Công Ty. Trưởng Ban Kiểm Soát có các quyền và trách nhiệm sau:
- (a) Triệu tập cuộc họp Ban Kiểm Soát;
 - (b) Yêu cầu Hội Đồng Quản Trị, Tổng Giám Đốc và Người Quản Lý khác cung cấp các thông tin liên quan để báo cáo Ban Kiểm Soát; và
 - (c) Lập và ký báo cáo của Ban Kiểm Soát sau khi đã tham khảo ý kiến của Hội Đồng Quản Trị để trình lên Đại Hội Đồng Cổ Đông.
- 36.4 Cổ Đông hoặc nhóm Cổ Đông nắm giữ tối thiểu 5% (năm phần trăm) tổng số cổ phần có quyền biểu quyết trong thời hạn liên tục ít nhất 6 (sáu) tháng có quyền gộp số quyền biểu quyết của từng người lại với nhau để đề cử các ứng viên vào Ban Kiểm Soát. Cổ Đông hoặc nhóm Cổ Đông nắm giữ đến dưới 10% tổng số cổ phần có quyền biểu quyết trong thời hạn liên tục ít nhất 6 (sáu) tháng được đề cử 1 ứng viên; từ 10% đến dưới 30% được đề cử 2 ứng viên; từ 30% đến dưới 40% được đề cử 3 ứng viên; từ 40% đến dưới 50% được đề cử 4 ứng viên; từ 50% đến dưới 60% được đề cử 5 ứng viên.
- 36.5 Trường hợp số lượng các ứng viên Ban Kiểm Soát thông qua đề cử và ứng cử vẫn không đủ số lượng cần thiết, Hội Đồng Quản Trị, Ban Kiểm Soát đương nhiệm có thể đề cử thêm ứng cử viên hoặc tổ chức đề cử theo một cơ chế do Công Ty quy định. Cơ chế đề cử hay cách thức Hội Đồng Quản Trị, Ban Kiểm Soát đương nhiệm đề cử ứng cử viên Ban Kiểm Soát phải được công bố rõ ràng trước khi Đại Hội Đồng Cổ Đông biểu quyết bầu thành viên Ban Kiểm Soát.
- 36.6 Các thành viên của Ban Kiểm Soát do Đại Hội Đồng Cổ Đông bổ nhiệm, nhiệm kỳ của Ban Kiểm Soát không quá 05 (năm) năm; thành viên Ban Kiểm Soát có thể được bầu lại

với số nhiệm kỳ không hạn chế. Trường hợp các thành viên Ban Kiểm Soát có cùng thời điểm kết thúc nhiệm kỳ mà thành viên Ban Kiểm Soát nhiệm kỳ mới chưa được bầu thì thành viên Ban Kiểm Soát đã hết nhiệm kỳ vẫn tiếp tục thực hiện quyền và nghĩa vụ cho đến khi thành viên Ban Kiểm Soát nhiệm kỳ mới được bầu và nhận nhiệm vụ.

36.7 Thành viên Ban Kiểm Soát không còn tư cách thành viên trong các trường hợp sau:

- (a) Thành viên đó không đủ tiêu chuẩn và điều kiện làm thành viên Ban Kiểm Soát theo quy định của Luật Doanh Nghiệp, Điều Lệ này hoặc bị luật pháp cấm không được làm thành viên Ban Kiểm Soát;
- (b) Thành viên đó gửi đơn bằng văn bản xin từ chức đến trụ sở chính của Công Ty và được chấp thuận;
- (c) Thành viên đó bị rối loạn tâm thần và các thành viên khác của Ban Kiểm Soát có những bằng chứng chuyên môn chứng tỏ người đó không còn năng lực hành vi;
- (d) Thành viên đó vắng mặt không tham dự các hoạt động của Ban Kiểm Soát trong vòng 6 (sáu) tháng liên tục, trừ trường hợp bất khả kháng;
- (e) Thành viên đó không hoàn thành nhiệm vụ, công việc được phân công;
- (f) Thành viên đó vi phạm nhiều lần hoặc một cách nghiêm trọng nghĩa vụ của thành viên Ban Kiểm Soát theo quy định của pháp luật và Điều Lệ này; hoặc
- (g) Thành viên đó bị cách chức, bãi nhiệm hoặc miễn nhiệm chức vụ thành viên Ban Kiểm Soát theo quyết định của Đại Hội Đồng Cổ Đông.

Điều 37. Ban Kiểm Soát

37.1 Công Ty phải có Ban Kiểm Soát và Ban Kiểm Soát sẽ có quyền hạn và trách nhiệm theo quy định tại Điều 170 của Luật Doanh Nghiệp và Điều Lệ này, chủ yếu là những quyền hạn và trách nhiệm sau đây:

- (a) Đề xuất lựa chọn công ty kiểm toán độc lập, mức phí kiểm toán và mọi vấn đề liên quan đến sự rút lui hay bãi nhiệm của công ty kiểm toán độc lập;
- (b) Thảo luận với kiểm toán viên độc lập về tính chất và phạm vi kiểm toán trước khi bắt đầu việc kiểm toán;
- (c) Xin ý kiến tư vấn chuyên nghiệp độc lập hoặc tư vấn về pháp lý và đảm bảo sự tham gia của những chuyên gia bên ngoài Công Ty với kinh nghiệm trình độ chuyên môn phù hợp vào công việc của Công Ty nếu thấy cần thiết;
- (d) Kiểm tra các báo cáo tài chính hằng năm, sáu tháng và hằng quý trước khi đệ trình Hội Đồng Quản Trị;
- (e) Thảo luận về những vấn đề khó khăn và tồn tại phát hiện từ các kết quả kiểm toán giữa kỳ hoặc cuối kỳ cũng như mọi vấn đề mà kiểm toán viên độc lập muốn bàn bạc;

- (f) Xem xét thư quản lý của kiểm toán viên độc lập và ý kiến phản hồi của ban điều hành của Công Ty;
 - (g) Xem xét báo cáo của Công Ty về các hệ thống kiểm soát nội bộ trước khi Hội Đồng Quản Trị chấp thuận;
 - (h) Xem xét những kết quả điều tra nội bộ và ý kiến phản hồi của ban điều hành của Công Ty; và
 - (i) Các quyền và nghĩa vụ khác theo quy định của pháp luật và Điều Lệ này.
- 37.2 Thành viên của Hội Đồng Quản Trị, Tổng Giám Đốc và Người Quản Lý phải cung cấp tất cả các thông tin và tài liệu liên quan đến hoạt động của Công Ty theo yêu cầu của Ban Kiểm Soát. Người phụ trách quản trị Công Ty phải bảo đảm rằng toàn bộ bản sao chụp các thông tin tài chính, các thông tin khác cung cấp cho các thành viên Hội Đồng Quản Trị và bản sao các biên bản họp Hội Đồng Quản Trị sẽ phải được cung cấp cho thành viên Ban Kiểm Soát vào cùng thời điểm chúng được cung cấp cho Hội Đồng Quản Trị.
- 37.3 Ban Kiểm Soát sẽ xây dựng quy chế hoạt động của Ban Kiểm Soát và trình Đại Hội Đồng Cổ Đông thông qua. Ban Kiểm Soát phải họp tối thiểu 02 (hai) lần một năm và số lượng thành viên tham gia các cuộc họp tối thiểu là 02 (hai) người.
- 37.4 Tổng mức thù lao cho các thành viên Ban Kiểm Soát sẽ do Đại Hội Đồng Cổ Đông quyết định. Thành viên của Ban Kiểm Soát cũng sẽ được thanh toán các khoản chi phí đi lại, khách sạn và các chi phí phát sinh một cách hợp lý khi họ tham gia các cuộc họp của Ban Kiểm Soát hoặc liên quan đến hoạt động kinh doanh của Công Ty.

XI. QUYỀN TRA CỨU SỔ SÁCH VÀ HỒ SƠ CÔNG TY

Điều 38. Quyền tra cứu sổ sách và hồ sơ

- 38.1 Cổ Đông hoặc nhóm Cổ Đông quy định tại Điều 11.3 của Điều Lệ này có quyền trực tiếp hoặc qua luật sư hoặc người được ủy quyền, gửi văn bản yêu cầu được xem xét, tra cứu trong giờ làm việc và tại địa điểm kinh doanh chính của Công Ty danh sách Cổ Đông, các biên bản của Đại Hội Đồng Cổ Đông và sao chụp hoặc trích lục các hồ sơ đó. Yêu cầu kiểm tra do phía luật sư đại diện hoặc đại diện được ủy quyền khác của Cổ Đông phải kèm theo giấy ủy quyền của Cổ Đông mà người đó đại diện hoặc một bản sao công chứng của giấy ủy quyền này.
- 38.2 Thành viên Hội Đồng Quản Trị, thành viên Ban Kiểm Soát, Tổng Giám Đốc và Người Quản Lý khác có quyền tra cứu sổ đăng ký Cổ Đông của Công Ty, danh sách Cổ Đông và những sổ sách và hồ sơ khác của Công Ty vì những mục đích liên quan tới chức vụ của mình với điều kiện các thông tin này phải được bảo mật.
- 38.3 Công Ty sẽ phải lưu giữ Điều Lệ này và những bản sửa đổi bổ sung Điều Lệ này, Giấy chứng nhận đăng ký kinh doanh, các quy chế, các tài liệu chứng minh quyền sở hữu tài sản, biên bản họp và nghị quyết của Đại Hội Đồng Cổ Đông và Hội Đồng Quản Trị, các báo cáo của Ban Kiểm Soát, báo cáo tài chính hằng năm, sổ sách kế toán và bất cứ giấy tờ nào khác theo quy định của pháp luật tại trụ sở chính hoặc một nơi khác với điều kiện là các Cổ Đông và cơ quan đăng ký kinh doanh được thông báo về địa điểm lưu trữ các giấy tờ này.

- 38.4 Cổ Đông có quyền được Công Ty cấp một bản Điều Lệ này miễn phí. Trường hợp Công Ty có website riêng, Điều Lệ này phải được công bố trên website của Công Ty.

XII. CÔNG NHÂN VIÊN VÀ CÔNG ĐOÀN

Điều 39. Công nhân viên và công đoàn

Tổng Giám Đốc phải lập kế hoạch để Hội Đồng Quản Trị thông qua các vấn đề liên quan đến việc tuyển dụng, lao động, buộc thôi việc, lương bổng, bảo hiểm xã hội, phúc lợi, khen thưởng và kỷ luật đối với Người Quản Lý và người lao động cũng như những mối quan hệ của Công Ty với các tổ chức công đoàn được công nhận theo các chuẩn mực, thông lệ và chính sách quản lý tốt nhất, những thông lệ và chính sách quy định tại Điều Lệ này, các quy chế của Công Ty và quy định pháp luật hiện hành.

XIII. PHÂN CHIA LỢI NHUẬN

Điều 40. Cổ tức

- 40.1 Theo quyết định của Đại Hội Đồng Cổ Đông và theo quy định của pháp luật, cổ tức sẽ được công bố và chi trả từ lợi nhuận giữ lại của Công Ty.
- 40.2 Theo quy định của Luật Doanh Nghiệp, Hội Đồng Quản Trị có thể quyết định thanh toán cổ tức giữa kỳ nếu xét thấy việc chi trả này phù hợp với khả năng sinh lời của Công Ty.
- 40.3 Công Ty không trả lãi cho khoản tiền trả cổ tức hay khoản tiền chi trả liên quan tới một loại cổ phiếu.
- 40.4 Hội Đồng Quản Trị có thể đề nghị Đại Hội Đồng Cổ Đông thông qua việc thanh toán toàn bộ hoặc một phần cổ tức bằng cổ phiếu và Hội Đồng Quản Trị là cơ quan thực thi nghị quyết này.
- 40.5 Trường hợp cổ tức hay những khoản tiền khác liên quan tới một loại cổ phiếu được chi trả bằng tiền mặt, Công Ty sẽ phải chi trả bằng tiền đồng Việt Nam và có thể thanh toán bằng séc hoặc lệnh trả tiền gửi qua bưu điện tới địa chỉ đã đăng ký của Cổ Đông thụ hưởng và trường hợp có rủi ro phát sinh (từ địa chỉ đã đăng ký của Cổ Đông) thì Cổ Đông đó phải chịu. Ngoài ra, các khoản tiền trả cổ tức hoặc các khoản tiền khác được chi trả bằng tiền mặt liên quan tới một loại cổ phiếu có thể được chi trả bằng chuyển khoản ngân hàng khi Công Ty đã có thông tin chi tiết về ngân hàng của Cổ Đông nhằm cho phép Công Ty thực hiện được việc chuyển khoản trực tiếp vào tài khoản ngân hàng của Cổ Đông. Trường hợp Công Ty đã chuyển khoản theo đúng các thông tin chi tiết về ngân hàng do Cổ Đông cung cấp mà Cổ Đông đó không nhận được tiền, Công Ty không phải chịu trách nhiệm về khoản tiền Công Ty chuyển cho Cổ Đông thụ hưởng. Việc thanh toán cổ tức đối với các cổ phiếu niêm yết/đăng ký giao dịch tại Sở Giao Dịch Chứng Khoán có thể được tiến hành thông qua công ty chứng khoán hoặc Tổng Công Ty Lưu Ký Và Bù Trừ Chứng Khoán Việt Nam.
- 40.6 Trường hợp có sự chấp thuận của Đại Hội Đồng Cổ Đông, Hội Đồng Quản Trị có thể quyết định và thông báo rằng những người sở hữu cổ phần phổ thông được nhận cổ tức bằng các cổ phần phổ thông thay cho cổ tức bằng tiền mặt. Các cổ phần bổ sung để trả cổ tức này được ghi là những cổ phần đã thanh toán đầy đủ tiền mua trên cơ sở giá trị của các cổ phần trả cổ tức phải tương đương với số tiền mặt trả cổ tức.

- 40.7 Căn cứ Luật Doanh Nghiệp, Hội Đồng Quản Trị có thể thông qua nghị quyết quy định một ngày cụ thể để chốt danh sách Cổ Đông. Căn cứ theo ngày đó, những người đăng ký với tư cách Cổ Đông hoặc người sở hữu các chứng khoán khác được quyền nhận cổ tức, lãi suất, phân chia lợi nhuận, nhận cổ phiếu, nhận thông báo hoặc tài liệu khác. Ngày khoá sổ này có thể vào cùng ngày hoặc vào thời điểm trước khi các quyền lợi đó được thực hiện. Điều này không ảnh hưởng tới quyền lợi của hai bên trong giao dịch chuyển nhượng cổ phiếu hoặc chứng khoán liên quan.

Điều 41. Các vấn đề khác liên quan đến phân phối lợi nhuận

Các vấn đề khác liên quan đến phân phối lợi nhuận được thực hiện theo quy định của pháp luật.

**XIV. TÀI KHOẢN NGÂN HÀNG, QUỸ DỰ TRỮ, NĂM TÀI CHÍNH VÀ
HỆ THỐNG KẾ TOÁN**

Điều 42. Tài khoản ngân hàng

- 42.1 Công Ty sẽ mở tài khoản tại một ngân hàng Việt Nam hoặc tại các ngân hàng nước ngoài được phép hoạt động tại Việt Nam.
- 42.2 Theo sự chấp thuận trước của cơ quan có thẩm quyền, trong trường hợp cần thiết, Công Ty có thể mở tài khoản ngân hàng ở nước ngoài theo các quy định của pháp luật.
- 42.3 Công Ty sẽ tiến hành tất cả các khoản thanh toán và giao dịch kế toán thông qua các tài khoản tiền Việt Nam hoặc ngoại tệ tại các ngân hàng mà Công Ty mở tài khoản.

Điều 43. Quỹ dự trữ bổ sung Vốn Điều Lệ

Hằng năm, Công Ty sẽ phải trích từ lợi nhuận sau thuế của mình một khoản vào quỹ dự trữ để bổ sung Vốn Điều Lệ theo quy định của pháp luật. Khoản trích này không được vượt quá 5% (năm phần trăm) lợi nhuận sau thuế của Công Ty và được trích cho đến khi quỹ dự trữ bằng 10% (mười phần trăm) Vốn Điều Lệ của Công Ty.

Điều 44. Năm tài chính

Năm tài chính của Công Ty bắt đầu từ ngày đầu tiên của tháng 1 hằng năm và kết thúc vào ngày thứ 31 của tháng 12 cùng năm. Năm tài chính đầu tiên bắt đầu từ ngày cấp Giấy chứng nhận đăng ký kinh doanh (hoặc giấy phép kinh doanh đối với những ngành, nghề kinh doanh có điều kiện) và kết thúc vào ngày thứ 31 của tháng 12 ngay sau ngày cấp Giấy chứng nhận đăng ký kinh doanh (giấy phép kinh doanh) đó.

Điều 45. Hệ thống kế toán

- 45.1 Hệ thống kế toán Công Ty sử dụng là Hệ thống Kế toán Việt Nam (VAS) hoặc hệ thống kế toán khác được Bộ Tài Chính chấp thuận.
- 45.2 Công Ty lập sổ sách kế toán bằng tiếng Việt. Công Ty sẽ lưu giữ hồ sơ kế toán theo loại hình của các hoạt động kinh doanh mà Công Ty tham gia. Những hồ sơ này phải chính xác, cập nhật, có hệ thống và phải đủ để chứng minh và giải trình các giao dịch của Công Ty.

45.3 Công Ty sử dụng đồng Việt Nam làm đơn vị tiền tệ dùng trong kế toán.

XV. BÁO CÁO THƯỜNG NIÊN, TRÁCH NHIỆM CÔNG BỐ THÔNG TIN, THÔNG BÁO RA CÔNG CHÚNG

Điều 46. Báo cáo hằng năm, sáu tháng và hằng quý

- 46.1 Công Ty phải lập bản báo cáo tài chính hằng năm theo quy định của pháp luật cũng như các quy định của Ủy Ban Chứng Khoán Nhà Nước và báo cáo phải được kiểm toán theo quy định tại Điều 48 của Điều Lệ này, và trong thời hạn 90 (chín mươi) ngày kể từ khi kết thúc mỗi năm tài chính, phải nộp báo cáo tài chính hằng năm đã được Đại Hội Đồng Cổ Đông thông qua cho cơ quan thuế có thẩm quyền, Ủy Ban Chứng Khoán Nhà Nước, Sở Giao Dịch Chứng Khoán và cơ quan đăng ký kinh doanh.
- 46.2 Báo cáo tài chính năm phải bao gồm báo cáo kết quả hoạt động sản xuất kinh doanh phản ánh một cách trung thực và khách quan tình hình về lãi và lỗ của Công Ty trong năm tài chính và bản cân đối kế toán phản ánh một cách trung thực và khách quan tình hình các hoạt động của Công Ty cho đến thời điểm lập báo cáo, báo cáo lưu chuyển tiền tệ và thuyết minh báo cáo tài chính. Trường hợp Công Ty là một công ty mẹ, ngoài báo cáo tài chính năm còn phải bao gồm bản cân đối kế toán tổng hợp về tình hình hoạt động của Công Ty và các công ty con vào cuối mỗi năm tài chính.
- 46.3 Công Ty phải lập các báo cáo sáu tháng và hằng quý theo các quy định của Ủy Ban Chứng Khoán Nhà Nước và nộp cho Ủy Ban Chứng Khoán Nhà Nước và Sở Giao Dịch Chứng Khoán.
- 46.4 Các báo cáo tài chính được kiểm toán, báo cáo quý và sáu tháng của Công Ty phải được công bố trên website của Công Ty.
- 46.5 Các tổ chức, cá nhân quan tâm đều được quyền kiểm tra hoặc sao chụp bản báo cáo tài chính hằng năm đã được kiểm toán, báo cáo sáu tháng và hằng quý trong giờ làm việc của Công Ty, tại trụ sở chính của Công Ty và phải trả một mức phí hợp lý cho việc sao chụp.

Điều 47. Công bố thông tin và thông báo ra công chúng

- 47.1 Các báo cáo tài chính hằng năm và các tài liệu bổ trợ khác phải được công bố ra công chúng theo những quy định của Ủy Ban Chứng Khoán Nhà Nước và nộp cho cơ quan thuế hữu quan và cơ quan đăng ký kinh doanh theo các quy định của Luật Doanh Nghiệp.
- 47.2 Công Ty phải lập và công bố Báo cáo thường niên theo các quy định của pháp luật về chứng khoán và thị trường chứng khoán.

XVI. KIỂM TOÁN CÔNG TY

Điều 48. Kiểm toán

- 48.1 Tại Đại Hội Đồng Cổ Đông thường niên sẽ chỉ định một công ty kiểm toán độc lập, hoạt động hợp pháp tại Việt Nam và được Ủy Ban Chứng Khoán Nhà Nước chấp thuận kiểm toán cho các công ty niêm yết, hoặc thông qua danh sách các công ty kiểm toán độc lập và ủy quyền cho Hội Đồng Quản Trị quyết định lựa chọn một trong số các đơn vị này tiến

hành các hoạt động kiểm toán Công Ty cho năm tài chính tiếp theo dựa trên những điều khoản và điều kiện thoả thuận với Hội Đồng Quản Trị.

- 48.2 Công Ty sẽ phải chuẩn bị và gửi báo cáo tài chính hằng năm cho công ty kiểm toán độc lập sau khi kết thúc năm tài chính.
- 48.3 Công ty kiểm toán độc lập kiểm tra, xác nhận và báo cáo về báo cáo tài chính hằng năm cho biết các khoản thu chi của Công Ty, lập báo cáo kiểm toán và trình báo cáo đó cho Hội Đồng Quản Trị trong vòng 02 (hai) tháng kể từ ngày kết thúc năm tài chính. Các nhân viên của công ty kiểm toán độc lập thực hiện việc kiểm toán cho Công Ty phải được Ủy Ban Chứng Khoán Nhà Nước chấp thuận.
- 48.4 Một bản sao của báo cáo kiểm toán sẽ phải được gửi đính kèm với mỗi bản báo cáo kế toán hằng năm của Công Ty.
- 48.5 Kiểm toán viên thực hiện việc kiểm toán Công Ty sẽ được phép tham dự mọi cuộc họp Đại Hội Đồng Cổ Đông và được quyền nhận các thông báo và các thông tin khác liên quan đến Đại Hội Đồng Cổ Đông mà các Cổ Đông được quyền nhận và được phát biểu ý kiến tại đại hội về các vấn đề có liên quan đến kiểm toán.

XVII. CON DẤU

Điều 49. Con dấu

- 49.1 Hội Đồng Quản Trị sẽ quyết định thông qua con dấu chính thức của Công Ty và con dấu được khắc theo quy định của luật pháp.
- 49.2 Hội Đồng Quản Trị, Tổng Giám Đốc sử dụng và quản lý con dấu theo quy định của pháp luật hiện hành.

XVIII. CHẤM DỨT HOẠT ĐỘNG VÀ THANH LÝ

Điều 50. Chấm dứt hoạt động

- 50.1 Công Ty có thể bị giải thể hoặc chấm dứt hoạt động trong những trường hợp sau:
 - (a) Khi kết thúc thời hạn hoạt động của Công Ty, kể cả sau khi đã gia hạn;
 - (b) Toà án tuyên bố Công Ty phá sản theo quy định của pháp luật hiện hành;
 - (c) Giải thể trước thời hạn theo quyết định của Đại Hội Đồng Cổ Đông; hoặc
 - (d) Các trường hợp khác do pháp luật quy định.
- 50.2 Việc giải thể Công Ty trước thời hạn (kể cả thời hạn đã gia hạn) do Đại Hội Đồng Cổ Đông quyết định, Hội Đồng Quản Trị thực hiện. Quyết định giải thể này phải thông báo hay xin chấp thuận của cơ quan có thẩm quyền (nếu bắt buộc) theo quy định.

Điều 51. Trường hợp bế tắc giữa các thành viên Hội Đồng Quản Trị và Cổ Đông

Trừ khi Điều Lệ này hoặc pháp luật có quy định khác, các Cổ Đông nắm giữ một nửa số cổ phiếu đang lưu hành có quyền biểu quyết trong bầu cử thành viên Hội Đồng Quản Trị có quyền đệ đơn khiếu nại tới toà để yêu cầu giải thể theo một hay một số các căn cứ sau:

- 51.1 Các thành viên Hội Đồng Quản Trị không thống nhất trong quản lý các công việc của Công Ty dẫn đến tình trạng không đạt được số phiếu cần thiết theo quy định để Hội Đồng Quản Trị hoạt động.
- 51.2 Các Cổ Đông không thống nhất nên không thể đạt được số phiếu cần thiết theo quy định để tiến hành bầu thành viên Hội Đồng Quản Trị.
- 51.3 Có sự bất đồng trong nội bộ và hai hoặc nhiều phe cánh Cổ Đông bị chia rẽ khiến cho việc giải thể sẽ là phương án có lợi hơn cả cho toàn thể Cổ Đông.

Điều 52. Gia hạn hoạt động

- 52.1 Hội Đồng Quản Trị sẽ triệu tập họp Đại Hội Đồng Cổ Đông ít nhất 7 (bảy) tháng trước khi kết thúc thời hạn hoạt động để Cổ Đông có thể biểu quyết về việc gia hạn hoạt động của Công Ty thêm một thời gian theo đề nghị của Hội Đồng Quản Trị.
- 52.2 Thời hạn hoạt động sẽ được gia hạn thêm khi có từ 65% (sáu mươi lăm phần trăm) trở lên tổng số phiếu bầu của các Cổ Đông có quyền biểu quyết có mặt trực tiếp hoặc thông qua Người Được Ủy Quyền Dự Họp có mặt tại Đại Hội Đồng Cổ Đông thông qua.

Điều 53. Thanh lý

- 53.1 Tối thiểu 06 (sáu) tháng trước khi kết thúc thời hạn hoạt động của Công Ty hoặc sau khi có một quyết định giải thể Công Ty, Hội Đồng Quản Trị phải thành lập Ban thanh lý gồm 03 (ba) thành viên. Hai thành viên do Đại Hội Đồng Cổ Đông chỉ định và một thành viên do Hội Đồng Quản Trị chỉ định từ một công ty kiểm toán độc lập. Ban thanh lý sẽ chuẩn bị các quy chế hoạt động của mình. Các thành viên của Ban thanh lý có thể được lựa chọn trong số nhân viên Công Ty hoặc chuyên gia độc lập. Tất cả các chi phí liên quan đến thanh lý sẽ được Công Ty ưu tiên thanh toán trước các khoản nợ khác của Công Ty.
- 53.2 Ban thanh lý có trách nhiệm báo cáo cho cơ quan đăng ký kinh doanh về ngày thành lập và ngày bắt đầu hoạt động. Kể từ thời điểm đó, Ban thanh lý sẽ thay mặt Công Ty trong tất cả các công việc liên quan đến thanh lý Công Ty trước Toà án và các cơ quan hành chính.
- 53.3 Tiền thu được từ việc thanh lý sẽ được thanh toán theo thứ tự sau:
 - (a) Các chi phí thanh lý;
 - (b) Các khoản nợ lương, trợ cấp thôi việc, bảo hiểm xã hội và các quyền lợi khác của người lao động theo thỏa ước lao động tập thể và hợp đồng lao động đã ký kết;
 - (c) Thuế và các khoản nộp có tính chất thuế mà Công Ty phải trả cho Nhà nước;
 - (d) Các khoản nợ khác của Công Ty; và

- (e) Phần còn lại sau khi đã thanh toán tất cả các khoản nợ từ mục (a) đến (d) trên đây sẽ được phân chia cho các Cổ Đông. Các cổ phần ưu đãi sẽ ưu tiên thanh toán trước.

XIX. GIẢI QUYẾT TRANH CHẤP NỘI BỘ

Điều 54. Giải quyết tranh chấp nội bộ

54.1 Trường hợp phát sinh tranh chấp hay khiếu nại có liên quan tới hoạt động của Công Ty hay tới quyền của các Cổ Đông phát sinh từ Điều Lệ này hay từ bất cứ quyền hoặc nghĩa vụ do Luật Doanh Nghiệp hay các quy định pháp luật khác hoặc thỏa thuận, giữa:

- (a) Cổ Đông với Công Ty; hoặc
- (b) Cổ Đông với Hội Đồng Quản Trị, Ban Kiểm Soát, Tổng Giám Đốc hay Người Quản Lý.

Các bên liên quan sẽ cố gắng giải quyết tranh chấp đó thông qua thương lượng và hoà giải. Trừ trường hợp tranh chấp liên quan tới Hội Đồng Quản Trị hay Chủ tịch Hội Đồng Quản Trị, Chủ tịch Hội Đồng Quản Trị sẽ chủ trì việc giải quyết tranh chấp và sẽ yêu cầu từng bên trình bày các yếu tố thực tiễn/thông tin liên quan đến tranh chấp trong vòng 20 (hai mươi) ngày làm việc kể từ ngày tranh chấp phát sinh. Trường hợp tranh chấp liên quan tới Hội Đồng Quản Trị hay Chủ tịch Hội Đồng Quản Trị, bất cứ bên nào cũng có thể yêu cầu chỉ định một chuyên gia độc lập để hành động với tư cách là trọng tài hoặc trung gian hoà giải cho quá trình giải quyết tranh chấp.

54.2 Trường hợp không đạt được quyết định hoà giải trong vòng sáu tuần từ khi bắt đầu quá trình hoà giải hoặc nếu quyết định của trung gian hoà giải không được các bên chấp nhận, bất cứ bên nào cũng có thể đưa tranh chấp đó ra Trọng tài hoặc Toà án.

54.3 Các bên sẽ tự chịu chi phí của mình có liên quan tới thủ tục thương lượng và hoà giải. Các chi phí của Toà án sẽ do Toà phán quyết bên nào phải chịu.

XX. BỔ SUNG VÀ SỬA ĐỔI ĐIỀU LỆ

Điều 55. Bổ sung và sửa đổi Điều Lệ

55.1 Việc bổ sung, sửa đổi Điều Lệ này phải được Đại Hội Đồng Cổ Đông xem xét quyết định.

55.2 Trong trường hợp có những quy định của pháp luật có liên quan đến hoạt động của Công Ty chưa được đề cập trong Điều Lệ này hoặc trong trường hợp có những quy định mới của pháp luật khác với những điều khoản trong Điều Lệ này thì những quy định của pháp luật đó đương nhiên được áp dụng và điều chỉnh hoạt động của Công Ty.

XXI. NGÀY HIỆU LỰC

Điều 56. Ngày hiệu lực

56.1 Điều Lệ này gồm XXI chương 56 điều, được Đại Hội Đồng Cổ Đông của Công Ty nhất trí thông qua ngày 23 tháng 04 năm 2021.

56.2 Điều Lệ này được lập thành 10 (mười) bản gốc, có giá trị như nhau.

56.3 Điều Lệ này là duy nhất và chính thức của Công Ty.

Chữ ký của người đại diện theo pháp luật của Công Ty.

TP. Hồ Chí Minh, ngày 14 tháng 5 năm 2021

NGƯỜI ĐẠI DIỆN THEO PHÁP LUẬT

TỔNG GIÁM ĐỐC



LÊ QUỐC BÌNH

PHỤ LỤC SỬA ĐỔI ĐIỀU LỆ
CÔNG TY CỔ PHẦN ĐẦU TƯ HẠ TẦNG KỸ THUẬT
THÀNH PHỐ HỒ CHÍ MINH
(Lần thứ nhất)

- Căn cứ Luật Doanh Nghiệp số 59/2020/QH14 được Quốc hội thông qua ngày 17 tháng 06 năm 2020;
- Căn cứ Điều Lệ của Công Ty Cổ Phần Đầu Tư Hạ Tầng Kỹ Thuật Thành Phố Hồ Chí Minh ngày 14 tháng 5 năm 2021 (“**Điều Lệ**”);
- Căn cứ Nghị Quyết số 44/NQ-ĐHĐCĐ của Đại Hội Đồng Cổ Đông thông qua ngày 02 tháng 06 năm 2020;
- Căn cứ Nghị Quyết số 269/NQ-HĐQT (NK 2017-2022) của Hội Đồng Quản Trị ngày 20 tháng 05 năm 2021.

Điều 1. Sửa đổi Điều 5.1 của Điều Lệ như sau:

“5.1 *Vốn Điều Lệ của Công Ty là 2.832.095.780.000 VNĐ (hai ngàn tám trăm ba mươi hai tỷ không trăm chín mươi lăm triệu bảy trăm tám mươi nghìn).*

Tổng số Vốn Điều Lệ của Công Ty được chia thành 283.209.578 cổ phần với mệnh giá là 10.000 VNĐ/cổ phần.

Cổ Đông nước ngoài ở Công Ty được sở hữu tối đa số cổ phần tương ứng với 49% Vốn Điều Lệ.”

Điều 2. Phụ Lục Sửa Đổi Điều Lệ lần thứ nhất này thay thế điều khoản tương ứng của Điều Lệ và có hiệu lực kể từ ngày ký. Các điều khoản khác của Điều Lệ vẫn giữ nguyên giá trị và hiệu lực pháp lý.

Thành phố Hồ Chí Minh, ngày 13 tháng 08 năm 2021

NGƯỜI ĐẠI DIỆN THEO PHÁP LUẬT
TỔNG GIÁM ĐỐC



LÊ QUỐC BÌNH

PHỤ LỤC SỬA ĐỔI ĐIỀU LỆ
CÔNG TY CỔ PHẦN ĐẦU TƯ HẠ TẦNG KỸ THUẬT
THÀNH PHỐ HỒ CHÍ MINH
(Lần thứ hai)

- Căn cứ Luật Doanh Nghiệp số 59/2020/QH14 được Quốc hội thông qua ngày 17 tháng 6 năm 2020;
- Căn cứ Điều Lệ của Công Ty Cổ Phần Đầu Tư Hạ Tầng Kỹ Thuật Thành Phố Hồ Chí Minh ngày 14 tháng 5 năm 2021 (“**Điều Lệ**”);
- Căn cứ Nghị Quyết số 46/NQ-ĐHĐCĐ của Đại Hội Đồng Cổ Đông thông qua ngày 23 tháng 04 năm 2021.

Điều 1. Sửa đổi Điều 2.3 của Điều Lệ như sau:

“2.3 *Trụ sở đăng ký của Công Ty tại:*

- *Địa chỉ: Tầng 12, 152 Điện Biên Phủ, Phường 25, Quận Bình Thạnh, Thành phố Hồ Chí Minh, Việt Nam*
- *Điện thoại: (84.28) 3622 1025*
- *Fax: (84.28) 3636 7100*
- *E-mail: info@cii.com.vn*
- *Website: www.cii.com.vn*”

Điều 2. Phụ Lục Sửa Đổi Điều Lệ lần thứ hai này thay thế điều khoản tương ứng của Điều Lệ và có hiệu lực kể từ ngày ký. Các điều khoản khác của Điều Lệ vẫn giữ nguyên giá trị và hiệu lực pháp lý.

Thành phố Hồ Chí Minh, ngày 25 tháng 11 năm 2021

NGƯỜI ĐẠI DIỆN THEO PHÁP LUẬT
TỔNG GIÁM ĐỐC



LÊ QUỐC BÌNH